

**Đại Phương Quảng Phật  
Hoa Nghiêm Kinh  
Phẩm thứ mười một,  
Tịnh Hạnh Phẩm  
Phần 8  
大方廣佛華嚴經  
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không  
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội  
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

**Tập 1477**

Chư vị đồng học, xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ ba trong phần kinh văn trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

*(Kinh) Vân hà đắc thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ, vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ, vô dũ đẳng huệ, bất khả lượng huệ, bất khả thuyết huệ?*

*(經)云何得勝慧。第一慧。最上慧。最勝慧。無量慧。無數慧。不思議慧。無與等慧。不可量慧。不可說慧。*

*(Kinh: Làm thế nào để được huệ thù thắng, huệ bậc nhất, huệ tối thượng, huệ tối thắng, huệ vô lượng, huệ vô số, huệ chẳng thể nghĩ bàn, huệ chẳng sánh bằng, huệ chẳng thể tính lường, huệ chẳng thể nói được?)*

Trong phần trước, chúng ta học đến “tối thượng huệ”, điều thứ ba là Tối Thượng Huệ. Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

*(Sớ) Giản Quyền Giáo cố.*

*(疏)揀權教故。*

*(Sớ: Nhằm vạch rõ chẳng phải là Quyền Giáo).*

[Các loại trí huệ được nói trong] phần trước đều vượt trỗi Nhị Thừa. “*Đệ nhất huệ*” [là trí huệ] vượt trỗi Nhị Thừa; “*tối thượng huệ*” trong câu thứ ba là [trí huệ] vượt trỗi Quyền Giáo. Tuy Quyền Giáo Bồ Tát cũng phát Bồ Đề tâm, tu lục độ, vạn hạnh, nhưng chẳng đoạn vô minh phiền não, vẫn ở trong tứ thánh pháp giới y như cũ. Những vị thuộc về Bồ Tát pháp giới hay Phật pháp giới trong tứ thánh pháp giới đều thuộc về Quyền Giáo. Nếu tiến cao hơn, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vị ấy sẽ vượt thoát mười pháp giới, sẽ chẳng phải là Quyền Giáo Bồ Tát! [Khi ấy], phải nên sửa Quyền thành Thật, “*Thật*”

trong Chân Thật, [Quyền Giáo Bồ Tát trở thành] Thật Giáo Bồ Tát, [người như vậy] là Bồ Tát thật sự. Thiên Thai đại sư gọi Quyền Giáo là Tương Tự Tức Phật, [nghĩa là] rất tương tự Phật, Bồ Tát, rất gần gũi, nhưng vị ấy chưa phải là [Phật, Bồ Tát] thật sự. Nếu tiến cao hơn thì mới là Thật.

Câu thứ tư là “*tối thắng huệ*”.

**(Sớ) Phật quả siêu nhân cố.**

(疏)佛果超因故。

(Sớ: Đó là cái nhân siêu việt của Phật quả).

Chúng ta xem hai câu [chú giải] kể đó của Thanh Lương đại sư, ý nghĩa cũng rất rõ rệt. Tiếp đó, lời Sớ ghi:

**(Sớ) Thượng tứ giản liệt, dư lục đương thể.**

(疏)上四揀劣，餘六當體。

(Sớ: Nhằm vạch rõ bốn câu [nói về trí huệ] trên đây nhằm nói về [trí huệ thuộc] loại kém, sáu loại huệ còn lại là Thể).

Có thể thấy [trí huệ được nói trong] bốn câu thuộc phần trước chẳng vượt ngoài mười pháp giới. Phật quả ở đây chính là [quả vị] Phật trong mười pháp giới, “*tối thắng huệ*” thuộc mười pháp giới. Công phu tu hành của người ấy là “sắp phá vô minh, chứ chưa phá”, thuộc vào giai đoạn ấy. Nếu phá vô minh, vị ấy sẽ vượt thoát mười pháp giới. Hễ vượt thoát mười pháp giới, sẽ sanh vào thế giới Hoa Tạng. Đây là Phật thật sự, chẳng giả, thật sự là Pháp Thân Bồ Tát. Bốn thứ trí huệ ấy (thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ) chính là trí huệ trong mười pháp giới. Loại thứ nhất là Thắng Huệ, thù thắng trong thế gian, thuộc vào lục đạo. Lục đạo bao gồm hai mươi tám tầng trời. Quý vị chẳng thể nói chư thiên không có trí huệ! Trí huệ và thần thông của chư thiên mạnh mẽ hơn chúng ta khá nhiều, nhân gian chúng ta làm cách nào cũng chẳng thể sánh bằng! Nhưng nếu so sánh với tứ thánh pháp giới, chư thiên sẽ thua xa. Họ chẳng bằng Thanh Văn, chẳng sánh bằng Duyên Giác!

[Lời sớ giải đã] vì chúng ta nói rõ từng tầng một; chúng ta cầu trí huệ chân thật, học Phật, chớ nên không biết [điều này]. Nếu đối với cái chẳng thật mà đồ khá nhiều công sức, lãng phí bao nhiêu thời gian, sẽ rất đáng tiếc! Hết thầy phải tu từ chân thật; thực hiện chân thật từ chỗ nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thầy phải học từ cái tâm chân thật*”. Chư Phật, Bồ Tát đều vận dụng cái tâm chân thật. Giáo pháp Đại Thừa thường gọi cái tâm chân thật là Bồ Đề tâm; đây là chân tâm. Hết thầy chúng sanh ai nấy vốn sẵn có chân tâm, hết thầy chúng sanh có ai chẳng sẵn có? Có ai chẳng trọn đủ? Vì sao lại luân lạc đến nông nổi này? Đức Phật bảo [nguyên nhân là vì] chúng ta đã mê mất chân tâm. Đã mê mất chân tâm thì cái chân tâm ấy được gọi là “vọng tâm”. Thể của vọng tâm là chân tâm. Do vậy, chân và vọng chẳng hai. Nói theo Thể, sẽ là một, chẳng hai.

Phật, Bồ Tát giác, giác chứ không mê; phàm phu, mười pháp giới đều là phàm phu. Giáo pháp Đại Thừa nói rất hay, [chúng sanh] trong lục đạo gọi là Nội Phàm, trong tứ thánh pháp giới gọi là Ngoại Phàm. “*Ngoại*” là gì? Ở ngoài lục đạo. Ngoài lục đạo có tứ thánh pháp giới. Mười pháp giới là Nội Phàm và Ngoại Phàm. Nội Phàm hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, đi ngược đường! Tứ thánh pháp giới tuy dùng vọng tâm, nhưng họ y giáo tu hành, chẳng trái nghịch thánh giáo. Nói cách khác, họ sử dụng vọng tâm chánh đáng, sử dụng chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. [Đấy chính là] học Phật! Đức Phật dạy ta như thế nào, ta liền làm như thế ấy, học rất giống như Ngài! Rất giống, bề ngoài rất giống, nhưng trong tâm chẳng ngộ nhập, nhưng làm rất giống. Đó gọi là Ngoại Phàm, thật sự là học trò ngoan của đức Phật!

Chỉ cần nương theo lý luận và phương pháp do đức Phật đã nói để học tập, sẽ nhất định có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, quyết định sẽ có thể minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là chứng quả. Nhưng nếu quý vị chẳng thể y giáo phụng hành, tự mình suy tưởng một kiểu cách riêng để minh tâm kiến tánh, khó khăn lắm! Chúng ta chớ nên không biết chuyện này! Mười phương ba đời tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật, đúng là cùng một con đường, một phương hướng, một mục tiêu. Tuy có tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn bất đồng, chứ phương hướng và mục tiêu giống nhau. Do vậy, kinh Bát Nhã mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, cuối cùng đều đạt tới chỗ mục đích giống nhau! Tịnh Độ Tông được gọi là “*môn dư đại đạo*” (門餘大道, đường lớn ở ngoài các môn), “*môn*” (門) chính là tám vạn bốn ngàn pháp môn. [Pháp môn Tịnh Độ] ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng thuộc trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vậy thì đạo ấy có phải là cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu với các pháp môn khác hay không? Thừa cùng chư vị, vẫn cùng! Nếu phương hướng và mục tiêu chẳng tương đồng, sẽ là tà đạo, chẳng phải là Phật đạo! Nói thật ra, nguyên lý và nguyên tắc được nói trong pháp môn Tịnh Tông và tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng trái nghịch.

Nói chung, Phật pháp bất luận Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, hay Giáo Hạ, tổng nguyên tắc đều là “*nương vào Giới, Định, Huệ*”. Chớ nên sơ sót điều này, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Huệ là Phật tâm, Giới là Phật thân. Nhất cử nhất động của Phật, quý vị ghi chép lại sẽ là giới luật, Giáo là Phật ngôn. Do vậy, Định và Huệ là một Thể. Định là Thể, Huệ là Dụng. Huệ là Thể, Định là Dụng. Định và Huệ là một Thể, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Huệ mới có thể hóa giải tất cả hết thảy tình chấp hư vọng của quý vị, thấy đều có thể hóa giải. Do vậy, điều mong cầu trong Phật pháp chính là sáu loại trí huệ “*đương thể*” được nói trong phần sau. Bốn loại trí huệ được nói trong phần trước, ngoại trừ [trí huệ] thể gian, trong Phật pháp gọi trí huệ thể gian là Thế Trí Biện Thông, chính là một trong tám nạn, đức Phật chẳng thừa nhận loại trí huệ ấy là trí huệ chân thật. Đức Phật thừa nhận trí huệ của Nhị Thừa, Quyền Giáo, và trí huệ của Phật trong mười pháp giới, nhưng các loại trí huệ ấy đều chưa phá vô minh phiền não! Nói cách khác, chúng là trí huệ tương tự, tiếp cận trí huệ, chẳng phải là chân thật.

Điều gì mới là chân thật? “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” mới là chân thật. Bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, nhất định phải đạt đến triệt ngộ, trí huệ mới hiện tiền. Trí huệ hiện tiền, quý vị mới có thể giải quyết hết thảy các nghi nan tạp chứng trong thế gian và xuất thế gian, mới có năng lực ấy. Chúng ta ắt phải biện định rõ ràng điều này. Sau khi đã hiểu rõ, mới biết Phật pháp xác thực chẳng dễ dàng. Nhưng sau khi quý vị đã hiểu minh bạch, sẽ có thể thấu hiểu Phật pháp cũng hoàn toàn chẳng phải là rất khó khăn. Khó và dễ là ở chỗ nào? Ở chỗ bản thân quý vị có thể buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay không! Nếu thật sự chịu buông xuống, Phật pháp chẳng khó. Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông hai mươi bốn tuổi đắc đạo, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài, hai mươi bốn tuổi đấy nhé! Kinh Hoa Nghiêm đã ban cho chúng ta một tấm gương, Thiện Tài đồng tử thành Phật trong một đời, thành Phật rốt ráo viên mãn. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật. Những trường hợp ấy đã nói rõ [thành Phật] chẳng khó, khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ quý vị chẳng thể buông xuống được. “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”, hai câu ấy nói rất dễ dàng, thực hiện chẳng đơn giản!

Người thật sự tu hành chẳng có gì khác, đầu tiên là người ấy thật sự thấy thấu suốt. “Thấy thấu suốt” chính là trí huệ, biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh đều là huyền tướng, chẳng chân thật! Vì thế, Phật pháp gọi nó là Hữu. Hữu được gọi là Diệu Hữu, [bởi lẽ] Diệu Hữu chẳng phải là có, Chân Không chẳng phải là không! Quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này; thế giới này là huyền hóa, chẳng thật! Các pháp vô thường, sanh diệt trong từng sát-na, kinh điển đã nói rất nhiều [về chuyện này]. Kinh văn của kinh Hoa Nghiêm khá dài, từ đây về sau còn có nhiều chỗ nhắc lại [những điều này]; vì thế, nếu nghe phần trước mà chẳng hiểu, không sao cả, trong các phần sau còn có, sẽ còn nhắc lại. Đây là chỗ từ bi trong Phật pháp, không chỉ là nói một lần, mà là luôn luôn nhắc nhở quý vị.

Nói thật ra, đức Phật hiểu bọn phàm phu chúng ta quá rõ: [Bọn chúng ta nghe những giáo huấn trong kinh điển], nghe rõ ràng, nghe minh bạch, thật sự thông hiểu, cũng rất mong thực hiện, làm được vài ngày lại mê! Đây là do nguyên nhân nào? Tập khí quá nặng! Tập khí phiền não của chúng ta quá nặng, chẳng dễ gì quay đầu! Vì vậy, Phật, Bồ Tát từ bi, thường xuyên nhắc nhở, thường xuyên lặp đi lặp lại. Chẳng ngại nói một câu đến một ngàn lượt, chẳng sợ nói đến một vạn lần! Chỉ cần quý vị còn chưa thật sự quay đầu, sẽ nhắc nhở quý vị hằng ngày. Chẳng giống như các vị thầy trong thế gian, ngay cả Khổng lão phu tử cũng chẳng làm được! Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Phu Tử đã nói: “*Cử nhất ngưng nhi bất dĩ tam ngưng phản*” (Nêu ra một góc mà chẳng thể suy ra ba góc kia), Phu Tử chẳng muốn dạy quý vị. Vì sao? Quý vị quá đần! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng vậy. Đần độn ư? Không ngại! Chỉ cần quý vị chịu học, Ngài sẽ dạy quý vị từng lần một, nhắc nhở hằng ngày. Chỉ cần quý vị có lòng kiên nhẫn dạy bảo; sau dăm ba năm dạy bảo, người ấy sẽ khai ngộ. Trong ấy, có rất nhiều nhân tố!

Đức Phật chẳng phải là người thế gian. Người thế gian chẳng có Tha Tâm Thông, chẳng có Túc Mạng Thông. Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn một người, có

thể biết đòi quá khứ người ấy đã làm gì. Chẳng phải là một, hai, ba, năm đòi trong quá khứ, mà là có thể thấy vô lượng đòi trong quá khứ của người ấy. Năng lực của A La Hán có thể thấy năm trăm đòi, đương nhiên là năng lực của Bích Chi Phật và Bồ Tát càng to hơn nữa. Đức Phật có thể biết vô lượng kiếp, biết trong đòi đòi kiếp kiếp quý vị đã làm gì, hiểu rõ ràng! [Biết rõ] phải dùng phương pháp gì để điều phục, giáo huấn, có thể giúp quý vị giác ngộ. Vì thế, [Phật pháp] khéo cơ, khéo lý. Nếu ai gặp đức Phật, người ấy có đại phước báo, chắc chắn sẽ tu hành chứng quả ngay trong một đời. Đó là đạo lý nhất định. Thánh nhân thế gian chẳng có năng lực ấy, chúng ta phải hiểu, phải minh bạch điều này! Sau đây, chính mình mới có thể sanh khởi tín tâm, yêu chuộng Phật pháp, học tập Phật pháp, dù mài chẳng bỏ, cũng có thể thành tựu ngay trong một đời này.

Nhất là gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, Thiên Đạo đại sư đã nói rất hay: “*Pháp môn này, vạn người tu, vạn người vãng sanh*”. Đại sư nói thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Trong thời đại hiện tại, vì sao chúng ta thấy người niệm Phật đông như thế, người thật sự thành tựu rất ít? Chẳng phải là “*vạn người tu, vạn người vãng sanh*”. Vạn người tu, vạn người vãng sanh chính là [những người] biết tu hành đúng lý, đúng pháp, chẳng có một ai không vãng sanh! Hiện thời, có rất nhiều người niệm Phật chẳng hiểu lý, chẳng biết phương pháp, đúng là “*tu mù, luyện đui*”. Tu mù luyện đui sẽ kết pháp duyên với A Di Đà Phật, chẳng thể thành tựu ngay trong đời này! Do vậy, phải đúng lý, đúng pháp, trong kinh điển đã dạy lý luận và phương pháp rõ ràng!

Người niệm Phật ai nấy đều đã từng đọc kinh Vô Lượng Thọ. Quý vị đã hiểu những đạo lý trong kinh Vô Lượng Thọ hay chưa? Quý vị có còn hoài nghi hay không? Quý vị có thật sự tin tưởng hay không? Phương pháp đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, quý vị có làm được hay không? Quý vị thấy kinh điển vừa mở đầu đã dạy chúng ta rõ ràng, thực hiện từ “*thiện hộ tam nghiệp*” (khéo gìn giữ ba nghiệp), chúng ta có làm được hay không? Câu đầu tiên là “*thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá*” (khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng gièm chê lỗi của người khác), đây là Thập Thiện Nghiệp. Khẩu nghiệp trong Thập Thiện Nghiệp là chẳng nói dối, chẳng lường thiệt (“*lưỡng thiệt*” (兩舌) là thêu dệt thị phi), chẳng ác khẩu (“*ác khẩu*” (惡口) là ăn nói thô lỗ), chẳng ý ngữ (“*ý ngữ*” (綺語) là hoa ngôn xảo ngữ lừa gạt người khác).

“*Thiện hộ khẩu nghiệp*” thì quan trọng nhất là “*bất cơ tha quá*” (chẳng gièm chê lỗi của người khác). Thấy lỗi lầm của kẻ khác, giống như chẳng trông thấy, điều này quan trọng lắm! Vì sao? Tu pháp môn Tịnh Tông là tu cái tâm thanh tịnh. Hằng ngày, chúng ta ghim trong tâm chính mình những lỗi lầm của kẻ khác, há cái tâm của chính mình chẳng biến thành thùng rác hay sao? Làm sao quý vị có thể thanh tịnh cho được? Quý vị thấy chuyện này trọng yếu lắm! Chẳng chấp trước dấu vết! Thấy khuyết điểm của người khác, phản ứng đầu tiên là “ta có phạm lỗi làm ấy hay không”? Nếu ta có, hãy nhanh chóng sửa đổi, đừng bận tâm người khác [có lỗi lầm hay không]. Chẳng có thì chính mình phải tự cố vũ chính mình thêm gắng sức. Đây là làm lỗi chúng ta chớ nên phạm. Hễ có bèn sửa; nếu không, hãy càng thêm nỗ lực. Đó là người tu tịnh nghiệp chân thật. Thấy kẻ

khác chẳng đúng pháp, suốt ngày từ sáng đến tối cứ nhắc đến, tâm quý vị bị nhiễm bản, mà miệng cũng bị bản thủ theo, há có nên ư? Làm sao quý vị có thể thành tựu cho được?

“*Thiện hộ thân nghiệp, bất phạm luật nghi*” (Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng phạm luật nghi), “*luật*” (律) là giới luật, “*nghi*” (儀) là oai nghi, nay chúng ta nói là “*phong độ*”.

Câu thứ ba là “*thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*” (khéo giữ gìn ý nghiệp, thanh tịnh, chẳng nhiễm). Ý nghiệp là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si; chẳng sanh tham, sân, si đối với pháp thế gian và xuất thế gian. Đây là vừa mở đầu, [kinh Vô Lượng Thọ] đã dạy chúng ta về Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta có thực hiện hay không? Có nghiêm túc thực hiện hay không? Đây chính là pháp căn bản!

Những lý luận được nói trong kinh điển đều sâu rộng, không ngắn mé, chúng ta phải nên thấu hiểu; hiểu được bao nhiêu chẳng quan trọng, hãy đọc cho nhiều! Cổ nhân dạy: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa). Quý vị đọc một ngàn lần, tâm đã định, có thể ngộ nhập đôi chút. Lại đọc một ngàn lần nữa, lại ngộ nhập thêm một ít, rộng sâu chẳng có bờ mé! Hằng ngày đều khế nhập, quý vị nói xem có sung sướng lắm hay không? Đây chính là “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi tập luyện, cũng chẳng vui ư). [Kinh điển nhà Phật] chẳng giống sách vở thế gian. Sách vở thế gian sâu rộng có hạn mục! Kinh Phật chẳng có hạn độ, màu nhiệm chẳng thể diễn tả được. Vì thế, điều khẩn yếu là phải thật sự thực hiện, phải thật sự thấy thấu suốt. Sau khi đã thấy thấu suốt, phải thật sự buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị mới có thể đạt được tự tại.

Câu kế tiếp là “*vô lượng huệ*”, Thanh Lương đại sư bảo:

**(Sớ) Dư lục đương thể.**

(疏)餘六當體。

(Sớ: Sáu điều kia làm Thể).

“*Thể*” là Pháp Tánh, là chân tâm, là bản tánh, chính là trí huệ Bát Nhã vốn trọn đủ trong tự tánh, cả sáu món [trí huệ ấy] đều là trí huệ Bát Nhã. Bởi lẽ, trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài mà có, trong nội tâm vốn sẵn đủ. Hiện thời, trí huệ ấy chẳng thể hiện tiền; trí huệ đã biến thành phiền não, phiền não vô lượng vô biên, vọng tưởng vô lượng vô biên. Đó là gì? Đó là trí huệ. Do vậy, giáo pháp Đại Thừa có nói: “*Phiền não tức Bồ Đề*” (Phiền não chính là Bồ Đề). Vấn đề là quý vị có biết chuyển biến hay không? Hễ chuyển biến, những phiền não vốn toàn là trí huệ. Do vậy, chẳng thể đoạn phiền não! [Nếu] đoạn phiền não, trí huệ cũng chẳng còn! Hãy chuyển phiền não thành Bồ Đề, đó là đúng. Nói “*đoạn phiền não*”, thật ra là “*chuyển biến*”, chuyển đổi chúng. “*Chuyển mê thành ngộ*” là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”. Hai câu ấy có cùng một ý nghĩa, là cùng một chuyện. Do vậy, đối với những giáo huấn trọng yếu trong Phật pháp như thế đó,

chúng ta quyết định chớ nên hiểu sai ý nghĩa. Hiểu sai ý nghĩa, chúng ta sẽ đi sai đường!

**(Số) Vô lượng huệ, vô phân lượng.**

**(疏) 無量慧，無分量。**

**(Số: Vô lượng huệ, chẳng có số lượng).**

Câu kế tiếp:

**(Số) Vô số huệ, vô nhược can.**

**(疏) 無數慧，無若干。**

**(Số: Vô số huệ là [trí huệ] chẳng tính rõ số lượng).**

Vô lượng, vô số, chẳng thể dùng những con số để tính đếm được, chẳng thể diễn nói bằng con số được. Đây gọi là “vô lượng, vô số”. Vô lượng, vô số ở đây chẳng phải là những con số vào thời cổ Ấn Độ. Trong những đơn vị số của cổ Ấn Độ, có Vô Lượng, Vô Biên, Vô Số; [những danh từ vừa nói] đều là những con số, thật sự có hạn lượng. Ở đây, chẳng phải vậy. [Vô lượng, vô số] chính là xứng tánh, vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Phải như thế nào thì chúng ta mới có thể khôi phục những trí huệ ấy? Đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”; ở đây, [phẩm Tịnh Hạnh] nói đến sáu loại trí huệ. “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Bằng một lời, đức Phật đã nói toạc ra, khôi phục trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta như thế nào? Chẳng có gì khác! Chỉ cần quý vị buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị buông xuống một phần, trí huệ bèn thấu lộ một phần! Buông xuống hai phần, trí huệ bèn thấu lộ hai phần. Chúng tôi nêu tỷ dụ. Ví như chúng ta có một ngọn đèn; trong studio có rất nhiều đèn, bốn phía đều là đèn chiếu sáng. Nhưng để cân bằng ánh sáng của những ngọn đèn ấy, đều dùng một trang hay hai trang giấy che bóng đèn, khiến cho ánh sáng của nó dịu bớt. Che bằng hai, ba trang, vẫn rất sáng. Nếu che hai ba trăm trang giấy, chẳng có ánh sáng nữa. Che bằng hai ba ngàn trang giấy, tối thui!

Nay quang minh trong tự tánh của chúng ta sáng ngời như ánh đèn, nhưng hiện thời những chướng ngại che lấp phía trước trí huệ trong tự tánh giống như những trang giấy, có bao nhiêu tầng? Đức Phật nói “tám vạn bốn ngàn phiến não”, tức là [có thể hiểu thô thiển, giống như] nói đến tám vạn bốn ngàn trang. Chúng ta dùng giấy rất mỏng, [nhưng dùng đến] tám vạn bốn ngàn tờ thì may mắn ánh sáng cũng chẳng thể thấu lộ! Do đó, người mới học chẳng dễ dàng! Mới học khó lắm! Chúng ta phải diệt trừ những chướng ngại ấy, tám vạn bốn ngàn tờ đấy nhé! Ta diệt trừ bốn ngàn trang, trí huệ có mở mang hay không? Chẳng mở mang, [do vậy] rất nóng ruột, [cứ nghĩ] “vậy là vô dụng mất rồi!” Có tác dụng chứ, nhưng quý vị còn chưa trừ [chướng ngại] đủ mức. Nếu quý vị lại nỗ lực, lại trừ một vạn trang. Nếu trừ một vạn trang, sẽ thấu lộ một tí quang minh, quý vị mới có thể

sanh khởi tín tâm. Quý vị càng nghiêm túc nỗ lực buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Phải biết thứ tự trước sau của ba thứ ấy. Thứ tự trước sau là trước hết buông chấp trước xuống. Chấp trước là phiền não thô nặng nhất, hãy khởi sự từ nó trước. Phải học trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật. Học không chấp trước, học tùy duyên. Nếu quý vị hỏi vì sao đừng nên chấp trước ư? Kinh Bát Nhã đã dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, có gì đáng để chấp trước? Ai nấy đều không chấp trước, thiên hạ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Chúng ta hy vọng hóa giải xung đột, xung đột sanh từ nơi đâu? Vẫn chẳng phải là do chấp trước sanh ra ư? Tôi có chấp trước, quý vị cũng có chấp trước, xung đột sẽ nảy sanh. Quý vị chấp trước, tôi không chấp trước, xung đột chẳng nảy sanh. Quý vị tiên, tôi lùi. Chỗ nào cũng đều phải học lễ phép, nhường nhịn, biển rộng trời cao, cần gì cứ phải chấp trước? Cần gì phải tranh chấp cùng người khác? Giáo dục hiện thời dạy trẻ nhỏ bé tí đã cạnh tranh!

Tôi ở đại học Côn Sĩ Lan (Queensland) của Úc, có một lần dùng cơm cùng mọi người. Tôi ngồi đối diện một vị giáo sư già, có địa vị và kiến thức rất cao. Tôi thấy trong bảng sắp tên của đại học, ông ta được xếp hàng thứ hai, là người Mỹ, khéo sao chúng tôi ngồi đối diện nhau. Tôi hỏi ông ta, có phải là giáo dục nước Mỹ dạy trẻ cạnh tranh từ mẫu giáo? Ông ta nói: “Đúng vậy. Tiểu Học, Trung Học, Đại Học đều dạy cạnh tranh”. Nếu cạnh tranh cao hơn, sẽ là đấu tranh. Đấu tranh lại tăng cao hơn sẽ là chiến tranh. Quan niệm giáo dục ấy chính là một tử lộ. Quý vị có nhận biết hay không? Giáo dục của các bậc thánh nhân phương Đông chẳng phải là như thế. Từ nhỏ, đã dạy trẻ nhường nhịn, khiêm hư, khiêm nhượng. Nhẫn nại, nhường nhịn, khiêm nhượng (khiêm tốn, nhún nhường), lễ nhượng (giữ lễ tiết, nhường nhịn), đó chính là một con đường sống động. Khái niệm cơ bản về giáo dục khác nhau. Nhìn bên ngoài, dường như chúng ta bị thua thiệt; thật ra, đâu có bị thua thiệt! Phàm là kẻ có lễ độ, nhường nhịn, về sau, phước sẽ vô cùng. Đó là trí huệ. Cạnh tranh, đấu tranh là phiền não, hằng ngày vắt óc để tìm cách ăn thua đủ với kẻ khác; đấy là phiền não. Há có như cách giáo học của phương Đông, tâm địa của mỗi người là quang minh, sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não? Khác hẳn!

Loại thứ ba là “*bất tư nghị huệ*”.

**(Sớ) Siêu ngôn niệm.**

(疏)超言念。

(Sớ: *Vượt khỏi nói năng, suy nghĩ*).

Đấy là trí huệ chân thật. “*Ngôn*” (言) là ngôn ngữ, “*niệm*” (念) là ý niệm. “*Ngôn ngữ*” là nghị luận, “*ý niệm*” là tư duy. “*Bất tư nghị huệ*”: Trí huệ chân chánh, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là trí huệ chân thật. Trong Phật pháp, gọi [những gì] có thể tư duy, có thể nghị luận là Đệ Nhị Nghĩa. [Bất tư nghị huệ] há có phải thuộc vào Đệ Nhị Nghĩa ư? “*Đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ*” như đã nói trong phần trước đều là có thể nghĩ, có thể bàn. Nói xứng tánh, “*vô lượng*”



*huệ, vô số huệ*” chẳng thể nghĩ bàn; đây gọi là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xú diệt, mở miệng liền trật, động niệm ắt sai*”. Đây là huệ gì? Trong giáo pháp Đại Thừa, nó được gọi là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”.

Vô tri là Căn Bản Trí, tức là “*chẳng thể nói, chẳng thể khởi tâm động niệm*” đang được nói ở đây. Đây chính là Căn Bản Trí. “*Siêu việt ngôn niệm*”, [nghĩa là] ngôn ngữ lẫn tư duy đều không thể đạt tới được! Chỉ khi nào cảnh giới của chính quý vị nâng cao đến mức này, quý vị sẽ có thể thấu hiểu. Hết thầy chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát chẳng hai, chẳng khác. Khi trí huệ khởi tác dụng, tác dụng gì vậy? Hễ có người khác hướng về các Ngài thỉnh giáo, nêu ra vấn đề để thưa hỏi, các Ngài có thể đối đáp trôi chảy, chẳng cần suy nghĩ, trí huệ chân thật lưu lộ mà! Chúng ta có thể nhìn thấy [những điều này] từ chỗ nào? Từ kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật. Phần lớn kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật đều là trả lời những nghi nan của kẻ khác. Những người hướng về Ngài thỉnh giáo, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp thầy đều có. Có nghi nan, hướng về đức Thế Tôn thỉnh giáo, Ngài đều giải thích, giúp quý vị đoạn nghi; những điều ấy được ghi chép lại, biến thành kinh điển. Không gì chẳng biết, ứng dụng đây! Chẳng có một vấn đề nào có thể bắt bí Ngài, chẳng hề có! Ngài hoàn toàn chẳng cần học, Ngài chưa hề học qua, [thế mà] thật sự thông đạt, hiểu rõ chân tướng vũ trụ và nhân sinh.

Câu kế tiếp là “*vô dũ đẳng huệ*” (huệ chẳng có gì sánh bằng).

**(Sớ) Vô đẳng thất.**

(疏)無等匹。

(Sớ: Không có gì sánh bằng).

Đây là nói chẳng có gì có thể sánh bằng Ngài. Phật Phật đạo đồng. Nếu quý vị chẳng chứng đắc quả vị này, trí huệ của quý vị sẽ chẳng viên mãn. [Trí huệ] này là [trí huệ] nơi quả vị rốt ráo. Trong phần trước đã nói “*vô phân lượng, vô nhược can, siêu ngôn niệm*” (chẳng có hạn lượng, chẳng có số lượng bao nhiêu, vượt khỏi ngôn từ và suy niệm), đó là nói về [trí huệ của] Pháp Thân Bồ Tát. Ba thứ trí huệ sau thuộc về Phật quả rốt ráo, trong Phật pháp thường gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “*Vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ*” như đã nói trong phần trước đều là [trí huệ] của Đẳng Giác Bồ Tát, [từ quả vị thấp nhất trong các địa vị] Pháp Thân Bồ Tát [cho đến] Đẳng Giác Bồ Tát. Kinh thường phiên âm là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Câu này có thể phiên dịch, nhưng không phiên dịch. Nói theo thể lệ dịch kinh, tức là trong Ngũ Chung Bất Phiên (năm loại chẳng phiên dịch), trường hợp này là “*tôn trọng bất phiên*”, [nghĩa là từ ngữ ấy] có thể phiên dịch, nhưng chúng ta vì tôn trọng nó, cho nên vẫn dùng cách phiên âm. Nó có ý nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ở đây, chúng ta phải chú ý, Chánh Giác chẳng vượt thoát mười pháp giới. Đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, bốn loại huệ đầu tiên được nói ở đây chính là bốn loại huệ [thuộc về tứ thánh pháp giới] trong

mười pháp giới, chúng ta gọi [các thứ trí huệ ấy] là Chánh Giác. Quý vị thấy “*thắng huệ, đệ nhất huệ, tối thượng huệ, tối thắng huệ*” chính là Chánh Giác. Nhìn như vậy, mọi người sẽ hiểu rất rõ ràng. “*Vô lượng huệ, vô số huệ, bất tư nghị huệ*” là [trí huệ thuộc loại] Chánh Đẳng Chánh Giác, [trí huệ của] Pháp Thân Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác. Ba loại sau đó, tức “*vô dũ đẳng huệ, bất khả lượng huệ, bất khả thuyết huệ*” chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Giải thích như vậy cũng rất rõ ràng, rất minh bạch. Bốn loại trước thuộc về tứ thánh trong mười pháp giới; đối với sáu loại sau, ba loại đầu là Chánh Đẳng Chánh Giác, ba loại cuối cùng chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đối với Huệ, trong phần trước, Thanh Lương đại sư đã chú giải rất rõ ràng, “*Huệ thị Đạo chi Thể*” (Huệ là Thể của Đạo). Trong câu đầu tiên mở đầu đoạn này, Ngài viết: “*Ngôn Huệ giả, tức Đạo chi Thể*” (Nói đến Huệ thì đây chính là Thể của Đạo). Câu này rất quan trọng. Những gì đức Phật đã dạy, đã tu, đã thành tựu, đã giáo hóa chúng sanh, đều là trí huệ. Trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài mà có, hết thảy chúng sanh ai nấy đều trọn đủ, chỉ là quý vị mê hoặc có sâu hay cạn khác nhau. Mê càng sâu, trí huệ càng ít. Mê càng cạn, trí huệ hiện ra càng nhiều. Mê hay ngộ khác nhau! Giáo học chẳng có gì khác, [chỉ nhằm] giúp cho chúng sanh phá mê khai ngộ [mà thôi]! Có phải là thật sự giúp đỡ hay không? Thật sự là chẳng thể, nhất định phải biết điều này. Vì mê hay ngộ là cá nhân, là do chính người ấy, là do bản thân người ấy. Ngộ là chính người ấy ngộ, mê là chính người ấy mê; ở chỗ này, đức Phật chẳng giúp đỡ được. Đức Phật chỉ có thể dạy quý vị những lý luận và phương pháp, quý vị hãy khéo học. Quý vị phải nghiêm túc nỗ lực, phải khắc phục khuyết điểm và sự nhiễm trước của chính mình, thật sự là công phu khắc kỷ. Vì thế, trí huệ này chẳng có gì sánh bằng được, đây chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Kế tiếp là “*bất khả lượng huệ*”, loại cuối cùng là “*bất khả thuyết huệ*”, trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã viết:

***(Sớ) Nan tỷ giáo.***

**(疏)難比較。**

***(Sớ: Khó so sánh được).***

Điều cuối cùng là:

***(Sớ) Duy chứng tương ứng.***

**(疏)唯證相應。**

***(Sớ: Chỉ có đã chứng đắc mới có thể tương ứng).***

Đây là “*bất khả thuyết huệ*”, chính là Phật quả rốt ráo vừa mới nói. Sau đó, Thanh Lương đại sư viết mấy câu rất hay:

***(Sớ) Dục ngôn kỳ hữu, vô tướng vô hình.***

(疏)欲言其有，無相無形。

(Sớ: Muốn nói nó là Có thì do nó chẳng có hình tướng [nên chẳng thể nói là Có]).

Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần.

(Sớ) Dục ngôn kỳ vô, thánh dĩ chi linh.

(疏)欲言其無，聖以之靈。

(Sớ: Muốn nói nó là Không thì do nó linh thông [nên chẳng thể nói là Không được]).

Loại trí huệ chân thật ấy đúng là khiến cho người ta phải bội phục năm vóc sát đất! Nó có linh thông thật sự hay chẳng?

(Sớ) Dục ngôn câu giả, Huệ vô nhị thể, dục ngôn song phi, phi vô thuyên hiển, cố bất khả thuyết.

(疏)欲言俱者，慧無二體，欲言雙非，非無詮顯，故不可說。

(Sớ: Muốn nói là nó “vừa có, vừa không” thì Huệ chẳng có hai Thể. Muốn nói nó “chẳng phải có, chẳng phải không” thì nó chẳng phải là không thể diễn tả, hiển lộ được. Vì thế là “chẳng thể nói”).

Mấy câu này nói hết sức hay! Nay đã hết thời gian rồi! Chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

\*\*\*

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp đoạn thứ tư trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?

(經)云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。

奢摩他力。毗鉢舍那力。思惟力。

(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)

Đoạn này nói đến mười loại lực; trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã chỉ ra: Mười loại lực ấy chính là “cụ đạo nhân duyên” (đầy đủ nhân duyên tu đạo). “Cụ” (具) là đầy đủ, “đạo” (道) ở đây là nói đến đạo quả. Do vậy có thể biết, đây là điều kiện ắt cần phải trọn đủ trong sự tu hành chứng quả của chúng ta. Thanh Lương đại sư đã chú giải rất hay:

(Sớ) Đệ tam lực giả, tức cụ đạo nhân duyên, giai ngôn lực giả, thử thập các hữu tư đạo chi năng cố.

(疏)第三力者，即具道因緣，皆言力者，此十各有資道之能故。

(Sớ: Lực thứ ba chính là đầy đủ nhân duyên tu đạo. Điều nói là “lực” vì mười thứ này đều có năng lực giúp đỡ đạo).

“Tu” (資) là giúp đỡ, giúp chúng ta khai ngộ, giúp chúng ta chứng quả. Vì thế, Trí Thủ Bồ Tát hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo, thật sự đều là hỏi thay cho chúng ta. Chúng ta gặp Văn Thù Bồ Tát, chẳng biết hỏi gì, Ngài (Trí Thủ Bồ Tát) thay chúng ta nêu câu hỏi. Từ một đấng hỏi, một đấng đáp, chúng ta sẽ biết tu hành như thế nào, biết người tu hành phải trọn đủ những điều kiện nào?

Quý vị thấy điều thứ nhất là cần có trí huệ. Trí huệ chính là “*thấy thấu suốt*” như chúng ta thường nói. Quý vị chẳng thấy thấu suốt, cho nên mới chẳng buông xuống được! Do lẽ này, nói thật ra, thấy thấu suốt là khó, chứ buông xuống chẳng khó! Vì sao hiện thời chúng ta buông xuống khó khăn ngần ấy? Do chẳng thật sự thấy thấu suốt, đạo lý vẫn là ở chỗ này. Chẳng thật sự thấy thấu suốt, chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Trước kia, thầy chúng tôi thường xuyên dạy chúng tôi đọc kinh. Đọc kinh thì nhất định phải ghi nhớ lời dạy của cổ nhân: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lần, tự thấy ý nghĩa). Nói thật ra, đạo lý này rất sâu! Đọc kinh, tâm tình phải như đối trước Phật, Bồ Tát, mở quyển kinh ra, tốt nhất là thờ một bức tượng Phật, kinh do Phật nói, ta niệm ở nơi đó, Phật, Bồ Tát ở trước mặt ân chứng cho ta. Ta cung kính đọc tụng tại đó. Trong khi đọc tụng, tâm chúng ta chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm. Đây là Giới. Nhất tâm chuyên chú, đây chính là Định. Niệm từng chữ rõ ràng, chẳng bỏ sót, chẳng niệm đảo lộn câu chữ; đây chính là Căn Bản Trí, tức là Huệ.

Do vậy, đọc kinh theo phương pháp ấy xác thực là hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ cùng một lúc. Quý vị mỗi ngày niệm một giờ chính là tu Tam Học Giới, Định, Huệ một giờ. Niệm hai tiếng đồng hồ chính là đang tu Tam Học Giới, Định, Huệ hai tiếng đồng hồ. Trong xã hội hiện thời, hai tiếng đồng hồ có được hay không? Không được! Quý vị thấy một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị tu Giới, Định, Huệ hai tiếng đồng hồ, hai mươi hai giờ kia quý vị bị xã hội nhuốm bản, công phu hai tiếng đồng hồ của quý vị chẳng chống đỡ nổi! Vì thế, đây là lý do vì sao tu hành khó khăn dường ấy, đã tìm được nguyên nhân rồi. Vậy thì phải làm sao? Nói thật ra, tối thiểu là năm mươi phần trăm (tức là tối thiểu phải đọc tụng mười hai tiếng mỗi ngày), công phu mỗi ngày của ta là đọc tụng, sử dụng phương pháp đọc tụng, phương pháp này rất hữu hiệu. Nhất là đối với những kẻ được gọi là “phần tử trí thức” trong hiện thời, chúng ta mong tìm được một vị thầy tốt, mong tìm được một hoàn cảnh tu hành tốt đẹp, nhưng chẳng tìm được, [vậy thì] thật sự mong đạt thành tựu phải làm như thế nào? Đây chính là một phương pháp tốt đẹp!

Nhưng cũng cần phải có phước báo! Nếu quý vị chẳng có phước báo, người nào có thể đọc kinh mười hai tiếng đồng hồ mỗi ngày? Đại phước báo đấy nhé! Cuộc sống của quý vị chẳng thành vấn đề, áo cơm có người lo liệu thì quý vị mới có thể làm được. Nếu không, quý vị chẳng làm được. Từ mười hai tiếng đồng hồ trở lên, tốt nhất là có thể đến mười sáu tiếng đồng hồ. Thời gian ấy chiếm đến hai

phần ba thời gian mỗi ngày. Hai phần ba thời gian mỗi ngày, quý vị đều luôn nhiếp tâm nơi kinh giáo. Nếu hằng ngày [nhiếp tâm nơi kinh giáo] chẳng gián đoạn, liên tục suốt dăm ba năm, quý vị đã vun quén căn cội bền vững. Mười năm hoặc tám năm, quý vị có thể khai ngộ. Thượng căn thì có người mười năm hay tám năm sẽ khai ngộ, trung căn thì có thể là mười năm hoặc hai mươi năm, hạ căn thì có thể là ba mươi năm hoặc bốn mươi năm. Do vậy, để học Phật, thọ mạng rất trọng yếu. Thọ mạng ngắn cùn là không được rồi!

Năm xưa, bao người đã đoán mạng cho tôi, đều nói tôi chỉ thọ đến bốn mươi lăm tuổi. Bốn mươi lăm tuổi đúng là không được rồi! Lúc tôi bốn mươi lăm tuổi, tôi học Phật từ năm hai mươi sáu tuổi, tôi chẳng dám nói là tôi trường thọ. Người ta đoán như vậy, tôi tin tưởng, nghiêm túc nỗ lực niệm Phật. Nếu tới khi bốn mươi lăm tuổi, thật sự phải chết, sẽ vãng sanh trong ba phẩm hạ của cõi Phạm Thánh Đồng Cư thì cũng được, tôi đa là chỉ có thể làm được như vậy! [Thế mà] bốn mươi lăm tuổi chẳng chết, còn sống cho đến hiện thời, sống lâu hơn ba mươi lăm năm. Trong ba mươi lăm năm ấy, đã nâng cao Định và Huệ của chính mình trên một mức độ lớn. Do vậy, người học Phật nhất quyết phải đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, chẳng cầu thọ mạng mà thọ mạng sẽ dài thêm. Dài thêm để làm gì? Kéo dài thêm hòng nâng cao cảnh giới của chính mình. Nếu thọ mạng của chúng ta dài [nhưng cảnh giới] chẳng thể nâng cao, sẽ là sống uổng phí, há có ý nghĩa gì đâu? Chớ nên không biết điều này!

Do vậy, hỏi về mười loại lực này rất hay! Loại thứ nhất là “*nhân lực*”, Thanh Lương đại sư chú giải là:

**(Sớ) Tức thị chủng tánh.**

(疏)即是種性。

(Sớ: Chính là chủng tánh).

“*Chủng*” (種) là tập chủng (習種), tức là những chủng tử trong A Lại Da Thức. Quý vị thấy Thanh Lương đại sư bảo:

**(Sớ) Vị dĩ hữu tập chủng.**

(疏)謂已有習種。

(Sớ: Tức là nói đã có chủng tử được huân tập).

Trong đời quá khứ, quý vị đã từng học, nay lại học nữa, sẽ dẫn khởi chủng tánh trong A Lại Da Thức của quý vị. Đời này lại khiến cho nó mạnh mẽ hơn.

**(Sớ) Vô đảo văn huân.**

(疏)無倒聞熏。

(Sớ: Chẳng bị huân tập bởi nghe pháp điên đảo).

“Đảo” (倒) là điên đảo, chẳng hề có! Chúng ta tiếp nhận sự Văn Huân (聞薰, sự huân tập do nghe nhận) từ chánh pháp trong kinh giáo. Ngoài chánh pháp ra, đều là điên đảo, đều là tà tri tà kiến. Vì thế, trong xã hội hiện thời, chúng ta chẳng có cách nào lìa khỏi xã hội, nhưng phải biết xã hội này ô nhiễm hết sức nghiêm trọng, đây chính là “điên đảo văn huân”. Những gì quý vị thấy, nghe, tiếp xúc hằng ngày, đều chẳng phải là chánh pháp. Quý vị bị những thứ ấy huân tập, tự nhiên dưỡng thành khá nhiều tri kiến bất thiện, tư tưởng bất thiện, ngôn luận bất thiện, hành vi bất thiện; đây là phiền toái to lớn! Phật pháp gọi đó là “*tạo nghiệp*”. Lẽ đương nhiên là quý vị sẽ tạo tội nghiệp. Vì sao? Quý vị bị những thứ ấy huân tập.

Tu hành trong thời đại này, tánh cảnh giác của chính mình phải cao, hết sức cao! Gần như là hơn bốn mươi năm qua, tôi chẳng xem báo chí, chẳng coi TV, cũng chẳng nghe bất cứ đài radio nào cả. Tuy sống tại đô thị, giống như ở nơi xa cách! Vì sao? Chẳng bị những thứ ấy huân nhiễm! Có chuyện gì quan trọng nảy sinh, sẽ có các đồng học đem những tin tức trọng yếu viết đơn giản cho tôi biết. Tôi cũng biết, chẳng cần thông tin tỉ mỉ dường ấy. Chuyện này sẽ không sanh ra chướng ngại đối với tôi. Chúng tôi đọc kinh hằng ngày, điều này quan trọng lắm! Chẳng có ngày nào không đọc kinh, hằng ngày giảng kinh. Trao đổi với các đồng học đều nhằm nghiên cứu, thảo luận, tâm tâm niệm niệm chẳng lìa chánh pháp. Đó là huân tập thành cái nhân, cái nhân ấy được gọi là “*tập chủng*”.

**(Sớ) Dĩ tánh chủng hợp.**

(疏)與性種合。

(Sớ: Phù hợp tánh chủng).

“*Tập chủng*” là hiện tiền, còn “*tánh chủng*” [là chủng tử] vốn sẵn có trong tự tánh. Sự huân tập trong hiện tại là sự huân tập bằng kinh giáo. Cái vốn sẵn có trong tự tánh chính là Phật Tánh, như đức Phật đã dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”; đó là “*tánh chủng*”. Chúng ta tiếp nhận sự huân tập của chánh pháp, kết hợp với tánh chủng trong tự tánh. Đó là “*nhân*”. Cái nhân ấy được gọi là cái nhân khai ngộ, là cái nhân để chứng quả. Vì thế, “*nhân lực*” được xếp hàng đầu, hết sức quan trọng.

Tiếp đó, Thanh Lương đại sư trích dẫn Nhiếp Luận để nói:

**(Sớ) Lương Nhiếp Luận vân, đa văn huân tập, dĩ A Lại Da Thức trung giải tánh hòa hợp.**

(疏)梁攝論云，多聞薰習，與阿賴耶識中解性和合。

(Sớ: Nhiếp Đại Thừa Luận bản đời Lương<sup>1</sup> có nói: “Đa văn huân tập, hòa hợp với tánh hiểu trong A Lại Da Thức”).

---

<sup>1</sup> Nhiếp Luận (gọi đầy đủ là Nhiếp Đại Thừa Luận, Mahāyāna-saṃgraha) do Vô Trước Bồ Tát biên soạn. Bộ luận này có hai bản dịch bằng tiếng Hán (bản thứ nhất do ngài Phật Đà Phiến Đa dịch vào thời Bắc Ngụy, bản thứ hai do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường). Bản Nhiếp

“*Giải tánh*” (解性) chính là trí huệ, là sự học tập trong đời quá khứ. Đời này tuy lại sanh vào nhân gian, vì bị mê khi cách ăm, chẳng nhớ được những gì thuộc đời quá khứ. Tuy chẳng nhớ được, nếu trong đời này lại có duyên dẫn khởi nó, sẽ lý giải mau chóng hơn. Nhất định là sẽ lý giải sâu hơn đời trước một tầng. Thế nhưng, duyên hết sức quan trọng! Duyên phải thuần chánh, chẳng thể có mảy may sai lệch nào. Hễ có gì sai lệch, quý vị sẽ đi sai đường, sẽ biến thành tà tri, tà kiến. Vì vậy, đối với chuyện học Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rất rõ ràng: Quan trọng nhất là thầy. Thầy là Tăng Thượng Duyên bậc nhất đối với sự tu học của chúng ta, nhất định phải thân cận thiện tri thức. Kinh Tiểu Thừa nói “*thân cận minh sư*”, chữ Minh (明) trong minh bạch, hoặc Minh trong quang minh, chẳng phải là danh tiếng rất lớn<sup>2</sup>. Danh tiếng rất lớn vô dụng, [“*minh sư*” là vị thầy] thật sự có đức hạnh, thật sự có tu hành, có giải, có chứng. Do vậy, người “có tu, có chứng” chính là vị thiện tri thức tốt nhất!

Nay chúng ta ở trong thời đại này, tìm một vị hữu chứng chẳng dễ dàng, tìm chẳng ra! Nay chúng ta có thể tìm được một vị hữu giải (có sự giải ngộ), hữu hạnh là khá quá rồi. Vị ấy có thể thật sự thông đạt Phật pháp, lại còn y giáo tu hành; vị thiện tri thức ấy hết sức hiếm có. Quý vị học theo vị ấy, sẽ chẳng đâm quàng ngõ rẽ, sẽ chẳng phạm sai lầm. Tìm không thấy thì làm như thế nào? Tìm không thấy, bèn có một phương pháp là tìm cổ nhân. Cổ nhân đã mất, trước tác của họ vẫn còn. Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo thầy lúc ba mươi một tuổi, [khi ấy] lão nhân gia bảy mươi tuổi, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi. Cụ hết sức khiêm hư, bảo: “Tôi chỉ có thể dạy anh năm năm”, rất khiêm hư! Cụ giới thiệu cho tôi một vị thầy, ai vậy? Pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang là thầy của cụ. Khi ấy, tôi chưa xuất gia, còn là tại gia. Cụ dạy tôi: “*Đối với cổ nhân, đừng học theo Tô Đông Pha; đối với người hiện thời, đừng học theo Lương Khải Siêu*”. Trong lịch sử, hai người ấy đều là Phật học gia, cũng là bậc đại đức trong Phật môn. Họ rất giỏi về Phật học, đọc rất nhiều, mà nghe cũng rất nhiều, nhưng chẳng làm theo! Tập khí thế tục rất nặng. Do vậy, họ chẳng thể thành tựu. Cụ dặn tôi chớ nên học theo họ, cụ dạy tôi hãy học theo pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang đã khuất, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao hãy còn. Vì lẽ ấy, thuở đó, cụ tặng tôi một bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, chính là Chánh Tập và Tục Tập gồm bốn quyển. Hiện thời, toàn thư đã được in ra, tổng cộng là bảy quyển đóng bìa cứng. [Bộ sách tôi được tặng] chính là quyển thứ nhất (Chánh Biên) và thứ hai (Tục Biên) trong bộ toàn thư hiện thời.

---

Lược đời Lương nói ở đây chính là bản chú giải bộ Nhiếp Luận, có tên là Nhiếp Đại Thừa Luận Thích (do Thế Thân Bồ Tát biên soạn) được ngài Chân Đế dịch sang tiếng Hán vào cuối đời Hậu Lương. Bộ này có nhiều bản dịch, ngoài bản dịch của ngài Chân Đế, còn có bản dịch thứ hai là của nhóm các vị Cấp Đa, Hành Cự v.v... phiên dịch vào đời Tùy. Bản cuối cùng do ngài Huyền Trang dịch. Từ bản này, ngài Huyền Trang lại triển khai các giáo nghĩa, soạn thành bộ Thành Duy Thức Luận.

<sup>2</sup> Do Minh (明) và Danh (名) đều đọc là Míng nên hòa thượng phải nói rõ như vậy, vì sợ người nghe hiểu lầm là “danh sư” thay vì “minh sư”.

Đọc hằng ngày, hiểu rõ giáo huấn của tổ sư, có thể y giáo phụng hành. Vận dụng những điều lão nhân gia đã dạy vào cuộc sống, vào công việc, vào xử sự, đãi người tiếp vật; đó gọi là “y giáo phụng hành”. Thật sự có thể y giáo phụng hành, sẽ là học trò của pháp sư Ấn Quang. Tuy Ngài chẳng còn, nhưng thuở Ngài còn trụ thế, Ngài nhất định sẽ thừa nhận: “Quý vị là do ta dạy dỗ mà thành”. Đây thật sự là chẳng tìm được một vị thầy tốt đẹp, bèn học theo cổ nhân, làm học trò tư thực của cổ nhân, tôn cổ nhân làm thầy. Tôi đã dạy khá nhiều người, vì tôi chẳng có đạo tràng, đến nay, tôi vẫn chẳng có chùa miếu của chính mình, tôi cũng chẳng có tịnh xá. Chỗ tôi ở là do các vị cư sĩ cung cấp, rất nhỏ, quyền sở hữu vẫn thuộc về họ, tôi không cần. Tôi đến ở nhờ chỗ này; tôi rời khỏi, nhà cửa sẽ trả lại cho họ. Do vậy, suốt một đời này, tôi chẳng có đạo tràng của chính mình. Đây cũng là học theo Ấn Quang đại sư. Tổ Ấn Quang suốt đời chẳng có đạo tràng, trụ ở chỗ người khác. Quý vị thấy lão nhân gia suốt đời không làm Trụ Trì, suốt đời không nhận đồ đệ xuất gia, suốt đời chẳng tham dự truyền giới, luôn nêu gương tốt nhất cho chúng ta!

Tiếp nhận sự cúng dường của tín đồ, Ngài dùng toàn bộ [tiền cúng dường] để làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Phương pháp hoằng pháp lợi sanh của Ngài là ấn tông kinh sách. Thuở ấy, trong thời đại của Ngài, đây chính là phương pháp hữu hiệu nhất, có thể truyền khắp mười phương, mà cũng có thể để lại cho đời sau. Đây chính là sự công hiến to lớn nhất của tổ Ấn Quang đối với Phật giáo cận đại. Ngài đã thật sự lấy thân làm gương, nêu gương cho chúng ta thấy, khiến cho chúng ta học tập theo. Thầy Lý giới thiệu chẳng sai tí nào! Chúng tôi rất cảm ơn chuyện này. Lời lẽ của tổ sư ngôn từ giản dị, ý nghĩa bao trùm. Nói thật ra, ngay trong thời Ngài, tức là vào những năm đầu thời Dân Quốc, Ngài đã nhìn thấy tai nạn trong xã hội. Do vậy, lão nhân gia đặc biệt đề xướng giáo dục nhân quả. Tôi lần đầu tiên đến Hương Cảng giảng kinh là do pháp sư Sướng Hoài và cư sĩ Tạ Đạo Liên khải thỉnh vào năm 1977, sang năm là 2006, đã ba mươi năm rồi! Trong ba mươi năm ấy, Hương Cảng biến hóa quá lớn! Tôi tưởng nhớ xã hội Hương Cảng vào ba mươi năm trước, thuần phác hơn hiện thời, lại còn mang đậm tình người.

Chỗ giảng kinh là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán ở phố Giới Hạn của khu vực Cửu Long. Ở nơi ấy, tôi thấy Hoàng Hóa Xã của Ấn Quang đại sư là chỗ lưu thông xuất bản kinh Phật. Sách vở, kinh luận, thiện thư, lão nhân gia đều in. Ba thứ được in nhiều nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và An Sĩ Toàn Thư. Ba quyển sách ấy được in nhiều nhất. Tôi dựa theo trang bản quyền [trong các bản in] để tính toán, [nhận thấy] gần như là ba trăm vạn bộ! Lúc đó, tôi rất kinh ngạc. Ngài là tổ sư của Tịnh Độ Tông, là bậc đại đức trong Phật môn, [thế mà] đối với kinh luận Ngài chẳng hoằng dương như vậy. Ngài in Liễu Phàm Tứ Huấn là nhân quả được nói trong Nho gia, Cảm Ứng Thiên là Đạo giáo, nửa trước của An Sĩ Toàn Thư là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn cũng là của Đạo giáo. Ba thiên sau đó đều thuộc loại đoản thiên. Vạn Thiện Tiên Tư giới sát, khuyên người ta kiêng giết. Dục Hải Hồi Cuồng khuyên kẻ khác kiêng dâm. Thiên



cuối cùng là Tây Quy Trực Chỉ, khuyên người ta niệm Phật. Ba thứ ấy được in với số lượng lớn ngàn ấy, gửi tặng khắp nơi.

[Điều này] khiến cho chúng tôi phản tỉnh sâu đậm, lắng lòng quan sát, [nhận ra]: Đây chính là tấm lòng từ bi của lão nhân gia, Ngài biết xã hội sẽ loạn, Phật chẳng cứu được, mà Nho cũng chẳng thể cứu. Dùng gì [để cứu]? Nhân quả báo ứng! Ba loại sách ấy đều giảng về nhân quả báo ứng, đề xướng giáo dục nhân quả. Nếu ai nấy đều có thể tin tưởng nhân quả báo ứng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của người ấy sẽ thâm liễm. Tôi dùng hai ba tuần lễ [suy niệm] mới ngộ được đạo lý này! Đây là thật sự đại từ đại bi. Vì thế, sau khi từ Hương Cảng trở về Đài Loan, hình như tôi cũng in năm vạn quyển cho ba loại sách ấy. Lại còn đều giảng mỗi loại. Hình như giảng Liễu Phàm Tứ Huấn ba lần, Cảm Ứng Thiên và An Sĩ Toàn Thư đều đã giảng qua.

Đối với xã hội hiện thời, tức ba mươi năm sau [kể từ lúc ấy], tôi cảm thấy lão nhân gia đề xướng chuyện này tuyệt đối chính xác! Thật sự khiến cho tôi bội phục năm vóc sát đất. Nhưng ba mươi năm sau, trình độ tiếng Hán trong xã hội đúng là xuống dốc không phanh! Thời ấy, ba loại sách đó kẻ bình phàm đều có thể đọc hiểu. Hiện tại, người thời nay xem ba loại sách ấy không hiểu, tôi tin tưởng những người hiện thời dưới bốn mươi tuổi đều xem không hiểu, [tuy những sách ấy] được viết bằng thể loại Văn Ngôn đơn giản, dễ hiểu. Nỗi khổ tâm cứu vớt tai nạn thế gian của Ân Quang đại sư, chúng ta phải kế thừa. Lão nhân gia đề xướng, nay chúng ta phải suy nghĩ phương pháp, người hiện tại thích nhất điều gì? Cái mà mỗi ngày chẳng thể thiếu là TV. Vì thế, chúng tôi chế ba loại ấy thành phim TV nhiều tập. [Phim] Liễu Phàm Tứ Huấn hai mươi tập đã quay xong, nay còn đang cắt ráp, sang tháng Hai, tháng Ba năm sau có thể phát hành. Kế tiếp là Cảm Ứng Thiên ba mươi tập, An Sĩ Toàn Thư ba mươi tập, tổng cộng là tám mươi tập. Chúng tôi dùng phương thức phim truyền hình nhiều tập để thúc đẩy cái tâm đại từ đại bi, nguyện vọng cứu khổ cứu nạn của tổ Ân Quang, dùng phương pháp này để phổ biến khắp thế giới.

Giáo dục nhân quả quá trọng yếu! Quốc gia, dân tộc Trung Hoa có thể đứng sừng sững năm ngàn năm trên thế giới, chẳng bị đào thải là do nguyên nhân nào? Bản thân tôi đã thể nghiệm mấy chục năm, điều thứ nhất là giáo dục luân lý đạo đức, đó là gia giáo. Thứ hai là giáo dục lòng nhân từ, bác ái của Nho gia. Thứ ba là giáo dục nhân quả từ miếu Thành Hoàng và Thập Vương Điện. Vì thế, tôi cảm thấy các cơ cấu thiết lập xưa kia tại Trung Hoa tuyệt diệu lắm. Từ đường dạy đạo hiếu, dạy luân lý. Khổng Miếu dạy đạo đức, ngũ luân, bát đức. Miếu Thành Hoàng dạy nhân quả. Ba cơ cấu này có ảnh hưởng quá lớn đối với xã hội. Người hiện thời không tin tưởng! Dẫu không tin, chẳng phải là không có [nhân quả báo ứng]. Dẫu không tin, những thứ ấy vẫn tồn tại! Chẳng có miếu Thành Hoàng, nhân quả báo ứng vẫn có, chẳng trốn thoát được. Nếu chư vị chú tâm, lắng lòng, quán sát, [sẽ thấy] chuyện nhân quả báo ứng phát sanh mỗi tuần trên cả thế giới, nhật báo, tạp chí đều có đăng tải. Tuy nói những chuyện ấy là mê tín, khoa học chẳng có cách nào giải thích, nhưng thật sự có những chuyện ấy, vẫn có những người tin tưởng. Nói thật thà, người tin tưởng vẫn là đa số, kẻ không tin là thiểu

số. Vì thế, những thứ ấy khởi tác dụng rất lớn, đều nói về thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo.

Nhân ở đây chính là cái nhân làm Phật, điều này quan trọng lắm! Cái nhân làm Phật [được dạy trong] kinh điển Nhất Thừa thuộc kinh giáo Đại Thừa, Nhất Thừa cao hơn Đại Thừa. Nhất Thừa nói về [pháp] thành Phật, Đại Thừa giảng về pháp thành Bồ Tát, Tiểu Thừa giảng về pháp thành Thanh Văn và Duyên Giác. Kinh Pháp Hoa có nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Đức Phật nói lời thật, khuyên con người làm Phật. Đó là nói lời thật. Quý vị có thể làm Phật hay không? Quý vị có Phật tánh, có sao quý vị chẳng làm Phật? Nay quý vị chẳng làm Phật, là vì quý vị đã mê mất Phật tánh, hoàn toàn để tập tánh làm chủ. Quý vị thấy Tam Tự Kinh của Nho gia đã nói rất hay: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành), “*bản thiện*” chính là bản tánh của quý vị. “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (Tánh thì giống như nhau, do huân tập mà khác xa nhau). “*Tương cận*” là tánh của mọi người giống như nhau, chẳng có gì sai biệt, nhưng do huân tập mà dần dần khiến cho quý vị xa rời [bản tánh]. Quý vị xa rời tánh, nhân phẩm cũng sai biệt to lớn. “*Cầu bất giáo, tánh nãi thiên*” (Nếu chẳng dạy, tánh bèn biến đổi), giáo dục được hưng khởi từ chỗ này. Mục đích của giáo dục thánh hiền là làm thế nào để giữ gìn bản tánh của quý vị, làm thế nào để gìn giữ bản tánh vốn lành, chẳng bị biến chất!

“*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đạo giáo dục quý ở chỗ chuyên nhất). Câu này quan trọng, đã nêu rõ nguyên lý và nguyên tắc giáo học. Bất luận học Nho hay học Phật, đều là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, quý vị mới có thể thành tựu. Vì thế, phải hiểu “đọc sách ngàn lần, đọc sách vạn lần, đọc sách mười vạn lần”, rất hữu lý! Suốt cả đời quý vị đọc một thứ, tâm sẽ định, chẳng suy nghĩ lung tung. Định có thể khai Huệ. Định đến một mức độ nhất định, sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Một ngộ, hết thầy ngộ. Sau khi đã ngộ, bất cứ kinh luận nào cũng đều thông. Điều này khác với học văn thế gian. Học đại học trong thế gian, quý vị học tốt nghiệp từ một khoa này, đối với những khoa khác, quý vị sẽ chẳng biết chi hết! Phật pháp khác hẳn. Tông phái trong Phật pháp, các tông, các phái rất nhiều; chỉ cần quý vị thông một môn, đã ngộ thì toàn bộ đều ngộ. Không chỉ là ngộ Phật pháp, mà pháp thế gian cũng thông suốt. Lạ lùng thay! Thông một điều, sẽ thông suốt hết thầy. Ngộ một, sẽ ngộ hết thầy. Tu một, sẽ là tu hết thầy. Chứng một, sẽ chứng hết thầy. Kinh Hoa Nghiêm dạy như thế đó.

Kinh Hoa Nghiêm là pháp Nhất Thừa, “*duy hữu Nhất Thừa pháp*” (chỉ có pháp Nhất Thừa). Đối với pháp Nhất Thừa, trong các kinh điển được phiên dịch tại Trung Hoa, [chỉ có] ba bộ là pháp Nhất Thừa, chuyên môn giảng về phương pháp thành Phật. Ba bộ kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng là pháp Nhất Thừa, cao hơn Đại Thừa, chớ nên không biết điều này. Kinh Hoa Nghiêm phân lượng quá lớn, vì thế, trải qua nhiều đời, người giảng rất ít. Kinh Pháp Hoa được giảng nhiều hơn, vì kinh Pháp Hoa có phân lượng nhỏ hơn. Chúng tôi [giảng] lần này là vì trước khi vãng sanh, Quán Trưởng Hàn Anh đã yêu cầu tôi nhất định

phải giảng kinh Hoa Nghiêm một lượt, lưu lại băng âm hình để làm tài liệu tham khảo cho người đời sau. Tôi đã nhận lời bà ta.

Kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà hoàn toàn quán thông. Vì thế, cổ nhân bảo kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, rất có lý! Do vậy, cầu sanh Tịnh Độ, [nếu] quý vị có thể hiểu Hoa Nghiêm, sẽ hoàn toàn hiểu rõ, thông đạt Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có nghi lự, tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên cố, niệm Phật quyết định được vãng sanh. Kinh Hoa Nghiêm có thể nghe, chẳng cần đồ công đức sức nơi ấy, mà hãy nên dụng công nơi kinh Vô Lượng Thọ, hoặc kinh A Di Đà. Chú giải hay nhất cho kinh A Di Đà là bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Hai bản chú giải ấy quá hay, chú giải tuyệt diệu. Sớ Sao hoàn toàn dùng nghĩa thú của Hoa Nghiêm. Vì thế, quý vị đọc Sớ Sao sẽ giống như đọc kinh Hoa Nghiêm, cách thức cũng giống hệt như Hoa Nghiêm. Mở đầu là Thập Môn Khai Khải. Do vậy, đối với câu văn đã trích dẫn từ Nhiếp Luận, chúng ta phải hiểu: Trong A Lại Da Thức của mỗi cá nhân đều có chủng tử Phật tánh, nay lại dùng kinh giáo Đại Thừa để huân tập, chủng tử trong tập tánh của quý vị sẽ hòa hợp cùng tánh chủng.

***(Sớ) Nhất thiết thánh nhân dĩ thử vi nhân.***

**(疏)一切聖人以此為因。**

***(Sớ: Hết thầy thánh nhân lấy điều này làm nhân).***

“*Hết thầy thánh nhân*” ở đây bao gồm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, là những người thật sự tu hành, hy vọng vĩnh viễn thoát ly luân hồi, vượt thoát mười pháp giới, thầy đều dùng điều này làm nhân. Do đó, thuở đức Thế Tôn tại thế, đã vì mọi người giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Phật pháp là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Các tín đồ tôn giáo cũng đến học. Từ kinh luận, chúng ta thấy [chuyện này]. Kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng phải là ngoại lệ, ta thấy rất nhiều [trường hợp giống như vậy]. Bà-la-môn là tôn giáo, họ đến học với Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng buộc họ thay đổi tôn giáo. Quý vị là tín đồ Bà-la-môn, học Phật thì vẫn là tín đồ Bà-la-môn. Quý vị là tín đồ Du-già (Yoga) học Phật thì vẫn là tín đồ Du-già, chẳng biến đổi. Học Phật là gì? Học Phật là đến nơi đây để cầu Giới, Định, Huệ, đến học trí huệ. Đã có trí huệ, quý vị trở về tôn giáo của chính mình, sẽ nâng cao cảnh giới tôn giáo của chính mình. Do đó, Phật giáo là sự giáo dục tốt nhất, chẳng phải là tôn giáo. Nó chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Đúng là giống như Khổng Tử, “*chỉ văn lai học*” (chỉ nghe nói có người đến học), hoan nghênh quý vị đến học, Thích Ca Mâu Ni Phật thầy đều có thể tiếp nhận, nhất định sẽ nghiêm túc tận hết trách nhiệm dạy bảo quý vị. Chỉ cần quý vị chịu nghe lời, chịu y giáo phụng hành, chẳng có một ai không thành tựu. Vì thế, các đồng học học Phật phải nhận thức đức Phật, phải hiểu rõ ràng: Chúng ta đến nơi đây nhằm mong học gì? Mong thành tựu điều gì? Điều này rất quan trọng!

**(Sớ) Vô Tánh Nhiếp Luận vân: “Thử văn huân tập, tuy thị hữu lậu, nhi thị xuất thế tâm chủng tử tánh”.**

**(疏)無性攝論云：此聞熏習，雖是有漏，而是出世心種子性。**

**(Sớ: Bộ Vô Tánh Nhiếp Luận<sup>3</sup> có nói: “Sự huân tập do nghe [pháp] này tuy là hữu lậu, nhưng nó chính là chủng tử tánh của cái tâm xuất thế”.**

Câu này rất quan trọng. Nay chúng ta dùng kinh giáo để huân tập chính là sự huân tập bởi nghe pháp trong hiện tiền, xác thực là hữu lậu. Vì sao? Chúng ta chưa đoạn tập khí phiền não, chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thế mà [sự huân tập ấy lại] là chủng tử tánh của cái tâm xuất thế. Nếu chúng ta muốn đi theo con đường xuất thế này (“xuất thế” là vượt thoát tam giới lục đạo), nó sẽ có thể hướng dẫn quý vị. Nó là con đường chánh đáng, chẳng phải là nẻo tà! Điều này tốt đẹp. Trong hết thảy các sự học tập, nó là đạo xuất thế, hết sức hy hữu, khó có!

Thứ hai là Dục Lực, “dục” (欲) là dục vọng, Thanh Lương đại sư chú giải rất hay:

**(Sớ) Hữu thắng dục lạc, hy đại Bồ Đề, cập khởi hạnh cố.**

**(疏)有勝欲樂，希大菩提，及起行故。**

**(Sớ: Vì có dục lạc thù thắng, mong cầu đại Bồ Đề, và khởi hạnh).**

Đối với “dục lực” như kinh đã dạy, nó cũng chính là “nguyện lực” như chúng ta đã nói, các vị nghĩ xem có đúng hay không? Nguyện lực đây nhé! Có dục vọng thù thắng, có sự “ái nhạo” (yêu chuộng) thù thắng, “nhạo” ở đây là “nhạo hảo” (樂好, thích thú, mến thích). Người thế gian luôn có dục vọng, mỗi cá nhân có dục vọng khác nhau. Thù thắng nhất, yêu chuộng nhất là gì? “Hy đại Bồ Đề” (Mong cầu đại Bồ Đề). Điều quý vị mong cầu chính là đại Bồ Đề, tức là Vô Thượng Bồ Đề. Ai chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề? Trong thế gian này, người gần chúng ta nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài đã chứng đắc, đã đạt được. Vì thế, đối với Bồ Đề, Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Đại Bồ Đề là Đại Giác; từ ngữ dịch sang tiếng Hán sẽ là Đại Giác. Đại Giác là đối với vũ trụ, nhân sinh, quá khứ, vị lai, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Quý vị hãy ngắm xem, có ai chẳng mong cầu? Có ai chẳng mong cầu đạt được? Đầu tiên, quý vị phải thừa nhận điều này, phải nhận thức điều này, phải hiểu rất triệt để, rất rõ ràng, nguyện vọng của chúng ta mới có thể sanh khởi được!

Tuy đã có nhân, mà nếu chẳng có sự mong mỏi này; nói thật ra, sự mong mỏi ấy chính là duyên. Cái duyên này là Sở Duyên Duyên, còn cái nhân trước đó chính là Thân Nhân Duyên. Đã có Thân Nhân Duyên, mà nếu chẳng có Sở Duyên Duyên, chẳng yêu chuộng, chẳng mong cầu nó, nó cũng chẳng thể hiện hành,

---

<sup>3</sup> Vô Tánh Nhiếp Luận là một tác phẩm chú giải Nhiếp Đại Thừa Luận, mang tên Nhiếp Đại Thừa Luận Vô Tánh Thích do ngài Vô Tánh biên soạn. Bản chú giải này được ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán thành mười quyển.

cũng chẳng khởi tác dụng, dục vọng mạnh mẽ mà! Quý vị thấy Thân Nhân Duyên thì ai nấy đều trọn đủ, nhưng Sở Duyên Duyên thì chính mình phải phát tâm. Quý vị có thể vứt bỏ hết thấy tất cả dục vọng trong thế gian, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, ngay cả ngôi vua cũng buông bỏ, vinh hoa, phú quý đều bỏ sạch. Chuyện này so với chuyện làm quốc vương, so với sự hưởng thụ vinh hoa phú quý vẫn là vui sướng hơn, những kẻ bình phàm chẳng có trí huệ ấy. Có trí huệ, quý vị mới có thể thật sự chọn lựa con đường sung sướng, mới thật sự biết chọn lựa giữa khổ và lạc! Trong thế gian này, trong tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần đều có lạc, nhưng quý vị suy nghĩ cận kề: Có thứ lạc nào chẳng có tác dụng phụ? Quý vị ưa chuộng thứ lạc ấy, sẽ phải trả giá bao nhiêu? Hơn nữa, đối với những thứ lạc ấy, đức Phật nói lạc là Hoại Khổ, chẳng phải là chân lạc. Chân lạc là đại Bồ Đề, quyết định chẳng có Hoại Khổ. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật chọn lựa điều này. Đây là sự chọn lựa bằng trí huệ chân thật. Ngài thật sự có thể thực hiện đại Bồ Đề trong cuộc sống, thực hiện trong xử sự, đãi người tiếp vật, thực hành trong giáo hóa chúng sanh. Ngàn năm, vạn đời, bao nhiêu người kính ngưỡng Ngài, bao nhiêu người đã học tập Ngài, [đó là] đại lạc! Không ai có thể sánh bằng! Chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây!

### ***Tập 1478***

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tư trong phần trường hàng. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

***(Kinh) Vân hà đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?***

**(經)云何得因力。欲力。方便力。緣力。所緣力。根力。觀察力。奢摩他力。毗鉢舍那力。思惟力。**

***(Kinh: Làm thế nào để đắc nhân lực, dục lực, phương tiện lực, duyên lực, sở duyên lực, căn lực, quán sát lực, xa-ma-tha lực, tỳ-bát-xá-na lực, tư duy lực?)***

Đối với sự tu hành, khai ngộ, chứng quả, mười loại lực này chẳng thể khuyết thiếu. Trong phần trước, chúng ta đã học đến phương tiện, tức là “*phương tiện lực*”. Chúng ta thấy Thanh Lương đại sư chú giải:

***(Sớ) Phương tiện giả, vị tạo tu lực, y lực phương tiện, thành bi trí cố.***

**(疏)方便者，謂造修力，依六方便，成悲智故。**

***(Sớ: Phương tiện nghĩa là do sức tạo tác và tu chỉnh, nương vào sáu phương tiện mà thành bi và trí).***

“*Tạo tu*”: “*Tạo*” (造) là tạo tác, “*tu*” (修) là sửa cho đúng. Ngôn ngữ là tạo tác nơi khẩu nghiệp, động tác là sự tạo tác nơi thân, khởi tâm động niệm là

tạo tác ý nghiệp. Quý vị thấy đối với người chẳng tu hành, thường nói: “Quý vị tạo nghiệp”! Đây là lời chân thật, bọn phàm phu chúng ta có ai không tạo nghiệp? Trong nghiệp có ác nghiệp, thiện nghiệp và vô ký nghiệp. Tạo thiện nghiệp, đạt được phước báo trong ba thiện đạo. Tạo ác nghiệp sẽ chịu khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tức là sự khổ trong ba ác đạo. Chẳng thiện chẳng ác thì gọi là vô ký nghiệp. Vô ký nghiệp cũng có quả báo, [chính là] ngu si. Vì thế, tu tập là chuyện hết sức trọng yếu. [Tu tập] chính là làm thế nào để uốn nắn ba loại tạo tác ấy.

Sự tạo tác trong lục đạo đều chẳng chánh đáng; vì thế, đều gọi là tâm luân hồi, nghiệp luân hồi. Đó là phàm phu trong lục đạo. Chánh là gì? Bất chánh là gì? Tiêu chuẩn của chánh và bất chánh là gì? Trong ấy, có một tiêu chuẩn tuyệt đối; đó là Tánh Đức. Tự tánh vốn sẵn đầy đủ trí huệ và đức tướng. Tương ứng với điều ấy thì là chánh. Trái nghịch với điều ấy, sẽ là tà, chẳng chánh! Bọn phàm phu chúng ta nay đang tạo tác và tu chỉnh nương cậy điều gì? Nhất định là phải nương theo giáo huấn của thánh nhân. Sự tạo tác nơi ba nghiệp của thánh nhân đều có thể tùy thuận Tánh Đức. Tuy chúng ta chẳng kiến tánh, chẳng biết Chân Như tự tánh là gì, nhưng chúng ta có thể tùy thuận Phật, Bồ Tát, tùy thuận hành vi của các bậc thánh hiền. Hành theo các Ngài, sẽ chẳng đến nỗi phạm sai lầm!

Đại thánh là Phật Đà, Phật tâm là Thiên, Thiên là Phật tâm. Ngôn ngữ của Phật là kinh giáo, kinh giáo là ngôn ngữ của Phật. Hạnh nghiệp của Phật là giới luật. Quý vị thấy ba thứ ấy, ba thứ kinh, luật, luận nhằm tu chỉnh hành vi nơi tam nghiệp của chúng ta. Giới luật tu chỉnh hành vi nơi khẩu nghiệp và hành vi nơi thân nghiệp. Kinh luận tu chỉnh hành vi do kiến giải và tư tưởng sai lầm. Chúng ta có căn cứ. Tuy nhiên, kinh, luật, luận nhiều quá, chúng ta học suốt cả một đời chẳng xong, phải tu như thế nào? Một bộ là được rồi, một bộ trong kinh, luật, luận là được rồi! Trong giới học thuật hiện thời, thường có quan niệm khác hẳn các bậc thánh hiền. Bậc thánh hiền tự mình tu học, dạy người, đều tuân theo những quy củ xưa cũ của cổ thánh tiên hiền truyền lại nhiều đời, tức là: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Quý vị xem Tam Tự Kinh, phần mở đầu của Tam Tự Kinh đã dạy chúng ta: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Đạo giáo dục quý ở chỗ chuyên nhất). Giáo thì phải chuyên, chẳng thể tạp, chẳng thể nhiều. Học cũng phải chuyên, cũng chẳng thể tạp, cũng chẳng thể loạn.

Tôi theo thầy Lý học kinh giáo; thuở ấy, các bạn học của tôi có hơn hai mươi người. Lớp học ấy giống như trường tư thục, chẳng phải là mọi người cùng học một bộ kinh giáo, chẳng phải vậy, mà là mỗi người học một bộ kinh riêng của người ấy. Quý vị thích học kinh gì cũng đều có thể, chính quý vị chọn lựa, chọn lựa từ Đại Tạng Kinh. Quý vị chọn lựa xong, thầy giám định. Nếu thầy thấy quý vị chọn bộ kinh ấy mà trình độ của quý vị chẳng đủ, căn tánh của quý vị chẳng đủ. Nếu căn tánh và trình độ của quý vị chẳng đủ, [thầy sẽ khuyên]: “Không được! Chọn lại một bộ khác”. Thật sự chọn chẳng thỏa đáng, thầy sẽ chọn giùm quý vị một bộ, lại còn chọn một bộ kinh nhỏ vì quý vị bắt đầu mới học!

Lớp học ấy là lớp giảng kinh, tức là học cách giảng kinh. Học giảng kinh là dùng một bộ kinh đề lên bục giảng, giảng mấy lần? Thầy quy định, tôi thiếu

chẳng thể ít hơn ba lượt. Như kinh Bát Đại Nhân Giác, giảng ba lượt là viên mãn. Nói thật ra, ba lần, mỗi lần hai tiếng đồng hồ. Trong hai tiếng đồng hồ, có phiên dịch. Một người giảng bằng tiếng Phổ Thông; khi ấy, ở Đài Loan, người kia nói bằng Đài ngữ<sup>4</sup>. Vì thế, có hai người phiên dịch. Thoạt nhìn thì dường như là hai người phiên dịch, nhưng trên thực tế, chính là hai người cùng học một bộ kinh. Lên bục giảng, thông thường là [người nói tiếng] Phổ Thông nói trước một đoạn, người nói Đài ngữ cũng nói một đoạn. Dường như là phiên dịch; thật ra, hai người ấy cùng dùng một bài giảng như nhau. Vì vậy, trên thực tế là giảng một giờ. Ba lượt, ba ngày, bộ kinh ấy tốn ba tiếng đồng hồ. Đối với kẻ mới học, phương pháp này rất hữu hiệu, khiến cho sĩ khí của nhóm người học tập như chúng tôi hết sức tràn trề, học rất hứng thú. Lâu nhất thì chẳng thể hơn mười lần, tức là mười ngày. Thầy quy định như vậy. Ngắn nhất là ba ngày, dài nhất chẳng thể hơn mười ngày. Lớp học kinh tại Đài Trung vào thuở ấy là như vậy đó.

Kinh luận được chọn lựa phải rất cặn, chính mình thật sự có đủ mức độ nhận thức, có thể lý giải, quý vị mới có thể giảng cho người khác cũng có thể lý giải, cũng có thể sanh tâm hoan hỷ. Lớp học kinh thuở ấy của chúng tôi giống như trường tư thục. Hai đồng học cùng học một bộ kinh như nhau, một người nói tiếng Phổ Thông, người kia nói bằng Đài ngữ. Lớp học ấy kéo dài hai năm, các đồng học gồm hơn hai mươi người thay phiên giảng, nhưng khi lên lớp, tất cả các đồng học đều phải đến. Khi lên lớp, mọi người đều phải dụng tâm lắng nghe, dụng tâm học tập. Quý vị thấy cách này cũng coi như là quảng học đa văn, nhưng công phu của chính mình chỉ vận dụng nơi bộ kinh mà chính mình đang học tập. Những điều mà các đồng học khác giảng giải, học tập, sẽ có thể giúp cho việc học tập bộ kinh của chính mình càng đạt lý giải thâm nhập hơn! Quả thật, phương pháp này hết sức hay! Quyết định chẳng thể đồng thời học hai hay ba bộ kinh điển, thầy chắc chắn chẳng chấp thuận, chẳng dạy quý vị! Quý vị theo học với thầy, chỉ có thể học một thứ. Học một thứ hoàn tất rồi, mới có thể học bộ thứ hai. “*Học hoàn tất*” là gì? Quý vị lên bục giảng, giảng cho đến khi thầy hài lòng, gật đầu, coi như quý vị đã học xong bộ kinh ấy, quý vị mới có thể học bộ thứ hai. Vì thế, tôi ở Đài Trung mười năm, trong mười năm học năm bộ kinh. Nếu trong Phật Học Viện thông thường, năm bộ kinh ấy [chỉ cần mắt] một năm là đã học xong, còn chúng tôi là mười năm, thâm nhập một môn mà!

Tôi đã thưa cùng quý vị chuyện học kinh của chính mình. Sau khi quý vị đã thấy, [sẽ cảm nhận] chẳng có mấy may hiếm lạ chi hết. Tôi học bộ kinh thứ nhất từ thầy Lý là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh. Bộ kinh này tôi cũng có giảng nghĩa. Bộ thứ hai là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh

---

<sup>4</sup> Đài ngữ (Tâi-gú) là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Đài Loan ngoài tiếng Phổ Thông, nhưng chưa bao giờ được coi là ngôn ngữ chính thức. Thậm chí vào năm 1980, đã có đề nghị chánh phủ cấm dùng Đài ngữ trong công sở và trường học. Kể từ năm 2011, Đài Ngữ mới được chính thức công nhận như ngôn ngữ chính thức của đảo quốc này. Thật ra, đây là một loại phương ngôn của vùng Mân Nam tỉnh Phước Kiến, chủ yếu là giọng nói của người thuộc Tuyền Châu và Chương Châu tỉnh Phước Kiến, pha trộn một số từ vay mượn từ tiếng Hà Lan và Nhật Bản, cũng như các thứ tiếng của thổ dân Đài Loan.

Nguyên Phẩm, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm. Từ cạn đến sâu, từ nhỏ đến lớn, có thứ tự nhất định, chẳng thể rối loạn. Quý vị học thật sự, học đến một mức độ sâu xa, sẽ được thọ dụng. Học tập được thọ dụng bao nhiêu tùy thuộc bề sâu lý giải và khế nhập của quý vị. Khế nhập là gì? Quý vị thật sự vận dụng trong cuộc sống. Nói theo chúng ta trong hiện thời, trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật, quý vị thật sự dùng được, đó chính là sự hưởng thụ. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, chẳng giả tí nào!

Sự hưởng thụ như Phương tiên sinh đã nói chính là như câu nói đầu tiên của Khổng Tử trong sách Luận Ngữ: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi tập luyện, há cũng chẳng vui sao). Đây là sự hưởng thụ, tức là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Nếu quý vị chẳng thể hiểu; do vậy, nói đến “*thâm giải*”, kinh điển nhà Phật cũng thường nói “*thâm giải nghĩa thú*”. Nếu quý vị đã hiểu sâu xa, thì sẽ hành đặc lực, nghiêm túc nỗ lực y giáo phụng hành. Những gì chúng ta đã học chính là cuộc sống, cuộc sống chính là những gì ta đã học; đây mới là có ý vị! Nay chúng ta học Hoa Nghiêm, nhất định phải nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, cuộc sống của chúng ta chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm chính là cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đây mới là thật sự thọ dụng.

Vì thế, đối với “*tao tu*” (tạo tác, tu chỉnh), nhất định là phải có phương tiện thì mới có thể thành tựu lòng đại từ bi và trí huệ của quý vị. “*Thành bi trí cố*” (Cho nên thành tựu bi trí): Ứng dụng từ bi và trí huệ vào cuộc sống hằng ngày thì gọi là “*phương tiện*”. Phật giáo là gì? Phật giáo thường nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, Bi là “*từ bi làm gốc*”, Trí là “*phương tiện làm cửa*”. Ở đây, đức Phật nói đến sáu món phương tiện:

***(Số) Nhất, từ bi cố luyện. Nhị, liễu tri chư hạnh. Tam, hân Phật diệu trí. Tứ, bất xả sanh tử. Ngũ, luân hồi bất nhiễm. Lục, xí nhiên tinh tấn.***

(疏)一慈悲願戀，二了知諸行，三欣佛妙智，四不捨生死，五輪迴不染，六熾然精進。

***(Số) Một, từ bi chăm nom, yêu mến. Hai, hiểu rõ các hạnh. Ba, ưa thích diệu trí của Phật. Bốn, chẳng bỏ sanh tử. Năm, luân hồi mà chẳng nhiễm đấm. Sáu là hùng hực tinh tấn.***

Sáu câu này nói rất đơn giản, nhưng [ý nghĩa] trong mỗi câu [đều là] sâu rộng không ngần mé, nghĩa thú vô cùng. Nay quốc gia đang nói đến xã hội hài hòa, thế giới hiện thời cũng đang hô hào làm thế nào để thực hiện hòa bình. [Để thực hiện những điều ấy, cứ làm theo] mấy câu này là được rồi. Đặc biệt là câu đầu tiên, “*từ bi cố luyện*”.

“*Từ bi*” là gì? Chính là tâm yêu thương chân thành. Hết thấy chúng sanh có [từ bi] hay không? Có chứ! Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, làm sao chẳng có [từ bi] cho được? Từ bi là đức, hết thấy chúng sanh thấy đều có. Rất đáng tiếc, chúng sanh đã mê mất từ nhiều kiếp lâu xa trước,



[cho nên] chẳng có tâm từ bi! Đôi khi, giống như một ánh chớp trong đêm đen, tâm từ bi phát ra trong khoảnh khắc, rất ngắn, ngay lập tức chẳng còn nữa! Chẳng thể giống như chư Phật, Bồ Tát, tâm từ bi giữ được vĩnh hằng, trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ đều là một bầu từ bi. Đây là điều đầu tiên trong các phương tiện. Quý vị chẳng có tâm từ bi thì còn tu gì nữa? Vì thế, Phật pháp nói: *“Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa”*.

“*Từ*” là ban vui cho chúng sanh, “*bi*” là cứu khổ cho chúng sanh. Khi chúng sanh gặp khổ nạn, quý vị giúp họ hóa giải, đây là Bi. Chúng sanh chẳng đạt được sự vui sướng thật sự, quý vị giúp cho họ được vui. Đây là Từ. Cội nguồn của khổ và lạc chính là mê hoặc. Mê là mê mất tự tánh, không biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, quý vị chẳng có gì không khổ. Khi một kẻ đang mê, Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng biến hiện thành mười pháp giới; đây là Khổ. Lạc thật sự là gì? Là giác ngộ. Sau khi đã ngộ, chuyển thức thành trí, tâm khai ý giải, chuyển mười pháp giới thành Hoa Tạng. Đây chính là *“nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai”*; đó là lạc chân thật. Vì thế, từ bi đối với hết thảy chúng sanh được biểu hiện ở chỗ nào? Biểu hiện bằng giáo hóa. Trong giáo hóa, quan trọng nhất là thân giáo, [tức là] dùng thân làm gương, thường nói là *“hiện thân thuyết pháp”*. Quý vị không hiểu, tôi nói cho quý vị nghe, quý vị hoài nghi. [Vậy thì] làm cho quý vị thấy. Đối với người hiện thời, làm cho quý vị thấy, quý vị thấy rồi cũng chẳng hiểu, vẫn hoài nghi!

Năm xưa, chúng tôi mở lớp bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp ngắn hạn ở Tân Gia Ba, cứ mỗi kỳ là ba tháng. Khi mở khóa thứ nhất, có chín học sinh, tôi đến dạy. Học sinh nghi hoặc, chẳng thể tiếp nhận, hoài nghi chúng tôi: “Quý vị mở khóa học này, tìm chúng tôi đến học tập, dụng ý là gì? Mục đích là gì?” Nghi vấn như thế, học gần một tháng rồi mới coi như là đã hiểu rõ. Chúng tôi chẳng có mục đích, mà cũng chẳng có dụng ý gì cả! Chỉ là vì chúng tôi thấy nhân tài hoằng pháp trong Phật giáo quá ít, hy vọng là đối với các nhân tài thật sự có chí phát tâm hoằng pháp, chúng tôi sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ những người ấy. Người khác đối với chúng ta tốt quá, bèn hoài nghi: “Dụng tâm của họ là gì? Dụng ý là gì?” Cho đến một tháng rồi mới hiểu rõ ràng, ai nấy đều gào khóc, quỳ sụp xuống đất sám hối. Thời gian của khóa học ba tháng đã mất hết một nửa, [họ mới hiểu], chẳng dễ dàng! Hiện thời, quý vị hảo tâm, thiện tâm đối với người khác, người ta suốt đời không chỉ từng thấy, mà còn chưa hề nghe nói, lẽ nào chẳng hoài nghi quý vị cho được?

Do vậy, hiện thời khó làm chuyện tốt, chẳng giống như xưa kia. Đối với quý vị, họ đánh khá nhiều dấu hỏi. Có thể hóa giải hoàn toàn những dấu hỏi ấy hay không, rất khó nói! Nhưng chuyện này có phải làm hay không? Phải làm! Tùy duyên, chúng ta sẽ rất tự tại. Có duyên, quý vị hoài nghi cũng thế, mà chẳng hoài nghi cũng thế, chỉ cần quý vị chịu đến học, chúng tôi luôn nhiệt tâm dạy quý vị, giúp đỡ, thành tựu quý vị. Nếu quý vị chẳng thể tiếp nhận? Chẳng thể tiếp nhận thì quý vị có thể ra đi. Đa số chẳng thể tiếp nhận, chúng tôi liền ngừng khóa học, không tổ chức nữa. Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên chứ không phan duyên! *“Tùy duyên”* là hề thời tiết nhân duyên còn có thể, [tức là] còn có thể tổ chức,

tuy có chướng ngại, nhưng chẳng khẩn yếu, vẫn có thể thực hiện thì phải làm! [Nếu như] chướng ngại nghiêm trọng, chẳng thể thực hiện, hãy ngay lập tức “thu dọn sạp hàng, ra đi”, bản thân chúng ta công đức đã viên mãn. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy rất hay: “*Phát ý viên thành*”, công đức viên mãn! Chẳng phải là ta không làm, [chỉ vì] hoàn cảnh không cho phép. Mọi người chẳng biết thứ này tốt đẹp, chẳng thể tiếp nhận, chúng ta bèn đổi sang phương pháp khác.

Giống như hiện thời chúng ta dùng phương pháp này, chúng ta dùng mạng Internet, dùng [truyền hình] vệ tinh. Người thích nghe, có thể tiếp thu mỗi ngày, có thể nghe hằng ngày. Kẻ chẳng ưa nghe, chẳng bắt băng tần ấy, sẽ vĩnh viễn chẳng trông thấy! Tốt lắm, chẳng miễn cưỡng may mắn! Chúng ta gặp mặt nhau mỗi ngày qua màn hình, quý vị thấy tôi rất thân thuộc, tôi chẳng nhận biết quý vị! Tháng Sáu năm nay, tôi đến thăm Luân Đôn, viếng thăm đại học Nguru Tân (Oxford) và đại học Luân Đôn. Ở đó, có mấy vị giáo sư tiếp đãi tôi rất thân thiết. Họ là người Anh, có thể nói tiếng Phổ Thông rất khá. Sau này, tôi mới biết họ chuyên môn nghiên cứu Hán học, nghiên cứu những thứ thuộc về Trung Hoa. Họ rất thân thiết đối với tôi, tôi cũng rất cảm kích. Những vị giáo sư ấy bảo tôi: “Pháp sư! Tôi quen biết thầy đã rất lâu”, tôi cũng rất kinh ngạc. Họ nói: “Hằng ngày tôi gặp thầy trên truyền hình vệ tinh hoặc trên Internet”. Trên mạng Internet rất quen thuộc, gặp mặt càng thân thiết hơn. Người Âu Châu rất coi trọng Hán học, họ nghiên cứu rất có thành tựu, rất khó có! Chúng tôi thấy vậy hết sức hoan hỷ.

Do vậy, từ bi là điều quan trọng nhất. Nên giáo dục truyền thống của Trung Hoa đã bị mất đi, thật sự quá đáng tiếc! Nếu quý vị hiểu cách giáo dục truyền thống Trung Hoa, nay chúng ta một lòng chân thành yêu thương giúp đỡ người khác, họ sẽ chẳng nghi hoặc. Vì sao? Do được dạy dỗ từ bé, [sẽ thấy chuyện giúp đỡ người khác vô điều kiện] rất bình thường! Há còn có mong cầu, còn có mục đích chi nữa? Chẳng có, rất bình thường. Năm ngàn năm trước, Trung Hoa coi trọng giáo dục, dạy những gì? Dạy những lời ấy. Câu này (“*từ bi cố luyến*”) thuộc về Phật môn, Trung Hoa chẳng nói theo kiểu ấy. Trung Hoa thì sao? “*Phụ tử hữu thân*” (Cha con có tình thân). Quý vị hãy ngẫm xem, “*phụ tử hữu thân*” và “*từ bi cố luyến*” có phải là cùng một chuyện hay không? Đúng là giống hệt nhau! Đứa trẻ vừa mới sanh ra, được cha mẹ chăm sóc chẳng rời khỏi một thời, một khắc nào. Đó là “*luyến*” (戀)! Mẹ đến chỗ nào làm chuyện gì đó, trong tâm nghĩ đứa con thơ nay đang như thế nào. Làm xong chuyện bèn trở về ngay lập tức, “*cố luyến*” đây! “*Từ bi cố luyến*” đúng là “*phụ tử hữu thân*”! Khi đứa trẻ mới vừa được sanh ra, đặc biệt là trong vòng nửa năm, thông thường nó còn chưa biết nói, còn chưa biết đi. Quý vị thấy cha mẹ yêu thương nó, quyến luyến nó, dốc hết tấm lòng, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện gì! Điều kiện gì cha mẹ cũng quên tuốt, trong tâm chỉ có đứa bé ấy.

Giáo dục được sanh ra, được hưng khởi từ chữ này (Ái). Đây là thiên tánh, [tình yêu thương giữa] cha con hay mẹ con là thiên tánh! Mục đích giáo dục là làm thế nào để gìn giữ vĩnh viễn tình yêu thương ấy. Mỗi tình thân ái giữa cha mẹ đối với con cái được vĩnh viễn giữ gìn, giữ gìn suốt cả đời chẳng biến đổi, chuyện này cần phải cậy vào giáo dục. Do đó, mục tiêu thứ nhất trong giáo dục

chính là chuyện này. Hiện thời, chúng tôi cực lực đề xướng Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa, chẳng phải là thứ để cho trẻ nhỏ đọc, mà là gì? Dành cho cha mẹ. Kẻ làm cha mẹ thấy đều phải làm được, làm cho con cái quý vị thấy, sử dụng thân giáo. Trẻ nhỏ sanh ra hai, ba ngày, mở mắt ra nó có thể nhìn, tai có thể nghe, trông thấy nhất cử, nhất động, một câu nói, một tiếng cười của người lớn, nói theo Phật pháp, sẽ in vào A Lại Da Thức của nó, biến thành chủng tử. Do vậy ở trước mặt con cái (trước mặt trẻ thơ), cha mẹ nói năng, cư xử đều phải theo quy củ, hoàn toàn để cho trẻ hấp thụ những điều chánh đáng, chẳng để cho chúng thấy những điều phản diện! Quý vị thấy nó từ lúc sanh ra được hai ba ngày đã bắt đầu học, học cho đến lúc ba tuổi. Cổ nhân nói “*tam tuế khán bát thập*”, chẳng phải là không có đạo lý! Trẻ được huấn tập trong ba năm ấy, thâm căn cố đế, [cho tới] tám mươi tuổi cũng chẳng bị biến đổi. Đây chính là ý nghĩa của câu “*tam tuế khán bát thập*”. Tám mươi tuổi cũng chẳng bị biến đổi, người ấy thấy đều học được rồi!

Vì vậy, Đệ Tử Quy là gia giáo, là cha mẹ dùng thân thể biểu hiện cho con cái thấy. Trẻ thơ ba bốn tuổi đã có năng lực phân biệt đúng, sai, thấy kẻ khác làm chuyện này nọ, [bèn nhận xét]: “Kẻ ấy đúng, kẻ kia sai”. Nó biết đúng và sai, nó có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của nó chính là tiêu chuẩn trong Đệ Tử Quy, nó đã học hiểu rồi. Đến khi sáu, bảy tuổi, vào trường học, thầy dạy nó, thầy cũng nêu gương tốt, tức là giáo dục gia đình được tiếp nối. Thầy dạy hiếu, đễ, trung, cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo. Trong trường học, dạy những gì? “*Trường ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (Lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ tín), tôn sư trọng đạo. Hầu hạ thầy giống như hầu hạ cha mẹ. [Đó là chuyện] học trò phải làm, chẳng phải là nói suông, mà phải làm. Học hầu hạ thầy như thế nào, vì về đến nhà sẽ biết hầu hạ cha mẹ. Hầu hạ đàn anh như thế nào, tức là [hầu hạ] những bạn học lớn tuổi hơn ta; về nhà, sẽ biết hầu hạ anh chị của chính mình. Điều được coi trọng nhất chính là thân giáo, ngôn giáo là phụ trợ. Giáo dục Tiểu Học đều thuộc loại [giáo dục] đức hạnh. Đức hạnh là bậc nhất. Vì thế, đức hạnh và ngôn ngữ phải do thầy dạy, hễ có sai lầm thì thầy phải giúp trò sửa chữa cho đúng.

Vào độ tuổi ấy, trong suốt quá trình của một đời người, trí nhớ mạnh mẽ nhất. Phạm là những sách vở của cô thánh tiên hiền cần phải ghi nhớ, đều bắt trẻ học thuộc, học thuộc đến mức có thể nhớ nằm lòng. Có thể ghi nhớ nằm lòng; khi đã nhớ nằm lòng rồi, thời xưa học trò đi học được trải nghiệm [bằng cách trả bài]. Học trò có trình độ khác nhau, căn tánh không giống nhau. Giống như sách giáo khoa hiện thời, mỗi “mặt giấy”<sup>5</sup> là mười dòng, mỗi dòng hai mươi chữ. Sách vở thời cổ được sắp chữ đại khái đều là như vậy. Bất luận nhà (thư cục) nào khắc in, thấy đều là mỗi mặt giấy có mười dòng, mỗi dòng hai mươi chữ, rất khoa học! Vì thế, hỏi quý vị trang thứ mấy, dòng thứ mấy, đều giống như nhau, bất luận do nhà nào in sách, thấy đều giống như nhau. Điều này mang tính khoa học, thống nhất!

---

<sup>5</sup> Do thời cổ in sách lên một trang giấy dài, rồi xếp lại thành sách, sao cho hai mặt giấy có chữ đầu lưng với nhau, khâu gáy thành sách. Cổ nhân gọi “trang” tức là một nếp gấp ấy, mỗi trang đều có hai “mặt”.

Vì vậy, khi đọc sách, đũa có thiên tư tốt, đại khái là mỗi ngày có thể học một trang, một “trang” gồm hai mặt giấy, hai mặt giấy thì gần như là bốn trăm chữ. Quý vị thấy một dòng là hai mươi chữ, mười dòng là hai trăm, hai mặt giấy là hai mươi dòng, tức bốn trăm chữ. Như vậy thì coi là gì? Kể thượng căn, là học trò tốt. Thượng căn thì một ngày có thể thuộc hai mươi hàng. Còn có đũa đặc biệt thông minh, một ngày có thể thuộc sáu trăm chữ, [kể như vậy] rất ít, chẳng nhiều! Đũa thuộc bốn trăm chữ thì còn có. Trong một tư thực, thông thường là sẽ có khoảng hai ba đũa có năng lực này. Kể là căn tánh bậc trung sẽ thuộc mười hàng, từ mười hàng cho tới mười lăm hàng. Kể căn tánh bậc hạ thì từ năm hàng cho đến mười hàng, năm hàng là một trăm chữ. Mỗi ngày đọc sách [như vậy đó].

Tiêu chuẩn là mười lượt. Quý vị đọc mười lượt bèn có thể thuộc, lấy điều này làm tiêu chuẩn. Ví như chúng ta đối với một mặt giấy này, một mặt gồm mười dòng tức là hai trăm chữ, sau khi quý vị đọc mười lượt, vẫn không thuộc được, bèn giảm bớt. Giảm bớt hai dòng, còn tám dòng. Vẫn không thuộc được, lại giảm bớt hai dòng, còn sáu dòng. Nhất định là mười lần bèn có thể thuộc được. Điều này chẳng miễn cưỡng tí nào! Mỗi cá nhân có trình độ khác nhau; vì thế, đồng học cùng nhau học sách, mỗi người có tiến độ (mức độ tiến triển) khác nhau. Có người tiến độ mau, có người tiến độ chậm, tùy theo năng lực học tập của chính họ. Sau khi đọc mười lần có thể thuộc, thầy đốc thúc trò phải đọc thuộc một trăm lần. Vì sao? Trò sẽ chẳng quên mất. Ngày hôm sau, khi lên lớp, trước hết là đọc thuộc lòng những gì đã học hôm qua cho thầy nghe, tức là ôn tập; sau đây, sẽ dạy bài hôm nay. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Sách chẳng được giảng giải, chỉ dạy quý vị đọc. Vì thế, sau khi học xong Tiểu Học, những sách đã học sẽ là suốt đời chẳng quên. Đến mai sau, quý vị trưởng thành, ra làm việc trong xã hội, những gì quý vị đã học đều có thể dùng được, dẫn chứng kinh điển, chẳng cần tra cứu tài liệu, tất cả đều ở trong đầu.

Tôi đã thấy hai người là tiên sinh Phương Đông Mỹ và lão cư sĩ Lý Bình Nam. Từ nhỏ, họ đã được huấn luyện theo kiểu ấy. Bảy, tám mươi tuổi, viết văn, dẫn chứng kinh điển, chẳng cần phải tra sách. Chúng tôi hỏi thầy: “Thưa thầy! Thầy đúng là tuyệt diệu quá!” “Anh có hiểu không? Khi làm học sinh, do quỳ trên gạch mà thành ra như vậy đấy!” Các cụ nói thật đấy, chẳng giả đâu! Khi đó, nếu quý vị học chẳng thuộc, thầy giáo sẽ phạt quỳ. Khi quỳ, chẳng phải là quỳ suông, mà là quỳ trên miếng gạch, khiến cho quý vị khó chịu đựng nổi. Quý vị chẳng dụng công có được hay không? Vì thế, đúng là chịu được nỗi khổ nhất trong các thứ khổ thì mới là người cao quý trong mọi người. Thời cổ nói “*thập tải hàn song, tái nhất cử thành danh*” (mười năm bên song lạnh, đi thi một lần sẽ thành danh), quý vị chẳng dụng công thì làm sao được?

Do vậy, giáo dục của Trung Hoa là một chữ Ái. Mục tiêu thứ nhất là gìn giữ [chữ Ái ấy]. Quý vị yêu thương cha mẹ, yêu thương anh em, yêu thương gia tộc, vĩnh hằng bất biến, suốt đời chẳng thay đổi. Đây là giáo dục thành công! Mục tiêu thứ hai của giáo dục là phát huy rộng lớn cái tâm yêu thương ấy. Không chỉ là yêu thương gia tộc của quý vị, mà còn có thể yêu thương xóm giềng, nay chúng ta nói là quý vị “có thể yêu thương xã hội, yêu thương quốc gia, có thể yêu thương

nhân loại”. Quý vị thấy trong Đệ Tử Quy có dạy: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (Phàm là người thì đều phải yêu thương). Phải mở rộng điều này, mở rộng đến mức yêu thương nhân loại. Trong Phật pháp, càng nói rộng hơn, yêu thương hết thảy chúng sanh, ngay cả động vật, thực vật thảy đều yêu thương, còn bao gồm cả khoáng vật, tức là thiên nhiên. Do vậy, giáo dục Trung Hoa là “*phụ tử hữu thân*” có cùng ý nghĩa với “*từ bi cố luyến*” ở chỗ này, quý vị tiếp nhận sự giáo dục ấy.

Người hiện thời chẳng được tiếp nhận nền giáo dục ấy. Vì thế, triển khai cái tâm ấy, người khác sẽ hoài nghi quý vị. Họ hoài nghi là chuyện phải lẽ, chúng ta chớ nên nói: “Họ hoài nghi, thôi đi! Chẳng cần quan tâm đến họ nữa”. Như thế thì sai mất rồi, chúng ta học những thứ này còn có tác dụng chi nữa? Đã học thì phải yêu thương chúng sanh, đã học thì sẽ yêu thương thế giới. Đây là giáo học của Nho và Phật, là cốt lõi của nền giáo dục truyền thống, thật sự có thể hóa giải tất cả hết thảy tranh chấp và xung đột trên thế giới hiện thời, xác thực là có thể hóa giải chúng, có thể đem lại an định hòa bình cho thế giới; chúng ta chớ nên không biết điều này. Đối với Nho, đối với Phật, quý vị đã học được bao nhiêu? Rốt cuộc là có được bao nhiêu? Nhìn từ sự thực hiện lòng từ bi, nhìn từ mức độ sâu rộng của lòng từ bi, sẽ biết công phu của quý vị đạt được bao nhiêu. Đây là phương tiện thứ nhất, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác.

Phương tiện thứ hai, “*liễu tri chư hạnh*”. Liễu (了) là hiểu rõ, “*tri*” (知) cũng là hiểu rõ. Chữ Hạnh (行) ở đây phải đọc giọng Khứ Thanh, hiểu như là động từ, nghĩa là việc làm của hết thảy chúng sanh, quý vị phải hiểu rõ. Quý vị chẳng hiểu rõ, sẽ chẳng thể giúp đỡ họ. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ. Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, các nghề nghiệp đều nảy sanh thói tệ. [Có biết rõ] nguyên nhân ở chỗ nào, quý vị mới biết phải giúp họ như thế nào! Chúng ta tiếp xúc rất rộng. Quý vị chẳng tiếp xúc rộng rãi, sẽ chẳng thể biết rộng rãi, chẳng hiểu sâu xa! Trong xã hội, mỗi quốc gia, mỗi sắc dân, mỗi tôn giáo, các nền văn hóa khác biệt, đều phải tiếp xúc. Quý vị đều tiếp xúc, đều liễu giải, quý vị mới có thể phát hiện cội rễ xung đột ở chỗ nào, quý vị mới biết hóa giải, cứu chữa vấn đề ấy tận gốc!

Tôi thường nói với người khác: Tất cả những nỗi tệ hại trong thế giới ngày nay đều có chung một cội nguồn, chính là con người chẳng biết tự yêu thương chính mình! Chẳng biết tự yêu thương chính mình, họ sẽ chẳng biết yêu thương người khác. Vì thế, họ chẳng biết “*phụ tử hữu thân*”. Chẳng biết điều này, họ sẽ chẳng biết “*nghĩa quân thân*”, chẳng biết “*phu phụ chi biệt*” (vợ chồng có trách nhiệm khác nhau), họ cũng chẳng biết “*trưởng ấu trật tự*” (tôn ty trật tự giữa kẻ lớn người nhỏ), cũng chẳng biết “*bằng hữu hữu tín*” (bạn bè giữ chữ tín), xã hội lẽ nào chẳng loạn cho được? Con người nếu thật sự biết tự yêu thương chính mình, chắc chắn sẽ chẳng dám làm chuyện thiếu suy nghĩ, chắc chắn sẽ chẳng dám tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp, làm chuyện thiếu suy nghĩ, lẽ nào chẳng có lỗi đối với chính mình? Phải tự yêu thương chính mình. Làm thế nào để chẳng có lỗi đối với cha mẹ? Làm thế nào để không có lỗi với tổ tông? Làm thế nào để chẳng có lỗi đối với thầy? Vì thế, con người phải biết tự yêu thương chính mình.

Người thật sự tự yêu thương chính mình nhất định là người tốt, tuân thủ quy củ. Kẻ biết tự yêu thương chính mình, quyết định sẽ học tập các bậc thánh hiền. Vì sao? Các vị thánh hiền đều biết tự yêu thương chính mình, thời thời khắc khắc mong nâng cao cảnh giới của chính mình. Trong Phật pháp nói là “*phiền não khinh, trí huệ trưởng*”. Phiền não mỗi năm một ít hơn, trí huệ mỗi năm một tăng trưởng. Ý niệm ích kỷ mỗi năm một giảm thiểu, ý niệm đại từ đại bi mỗi năm một tăng trưởng, người ấy biết tự yêu thương chính mình. Biết “*con người tánh vốn lành*”, biết chúng sanh và chính mình đều có Phật tánh, đây là tự yêu thương chính mình. Chỉ có tự yêu thương chính mình thì mới hiểu “*từ bi cố luyén*”, mới biết “*phụ tử hữu thân*”, mới có thể liễu giải luân lý đạo đức. “*Liễu tri chư hạnh*” thì mới có thể giúp đỡ đại chúng. “*Liễu tri chư hạnh*” là khế cơ; câu kế tiếp sẽ là khế lý. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

\*\*\*

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp sáu thứ phương tiện, điều thứ ba là “*hân Phật diệu trí*” (ưa thích diệu trí của Phật). “*Hân*” (欣) ở đây là ưa thích, [“*hân Phật diệu trí*” là] ưa thích trí huệ của Phật. Nói thật ra, trí huệ của Phật chính là trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh của chính mình. Đó là trí huệ chân thật. Nay chúng ta thấy đức Phật có [loại trí huệ ấy]. Quý vị thấy trong cuộc sống, công việc (công việc của Ngài là giáo học), đãi người tiếp vật, đức Phật đều tỏ lộ trí huệ viên mãn khôn sánh, xác thực là khiến cho chúng ta cảm thấy yêu thích khôn cùng. Do ưa thích, chúng ta sẽ mong đạt được, làm thế nào để có thể đạt được trí huệ giống hệt như chư Phật Như Lai? Đức Phật nói rất hay, chỉ cần có thể trừ bỏ một tầng chướng ngại nơi trí huệ và đức năng trong tự tánh, trí huệ liền hiện tiền. Chướng ngại là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vô lượng vô biên phiền não và chướng ngại, nói chung chẳng ra ngoài ba loại lớn ấy! Vì thế, A La Hán buông xuống chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng còn chấp trước nữa. Chúng ta có chịu buông chấp trước xuống hay không? Buông chấp trước xuống, sẽ gọi là Chánh Giác. Quý vị thấy trong Phật môn mong cầu điều gì? Tôi nghĩ các đồng học đều biết, chúng ta thường xuyên thấy kinh nhắc đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Câu này là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. [Từ ngữ ấy] có thể phiên dịch, chẳng phải là không thể phiên dịch. Có thể phiên dịch, có sao chẳng phiên dịch? Do tôn trọng, nên chẳng phiên dịch, vì chuyện này là mục tiêu mong cầu chung cực của người học Phật chúng ta, là trí huệ viên mãn sẵn có trong tự tánh.

Trong ba loại chướng ngại, buông xuống chấp trước, quý vị sẽ đắc Chánh Giác. Quý vị thấy: Đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị đã đạt được Chánh Giác. Trong phần trước, tôi đã nói rất cận kề cùng quý vị, Chánh Giác không ở trong lục đạo. Trong lục đạo chẳng có Chánh Giác, Chánh Giác ở chỗ nào? Trong tứ thánh pháp giới, [trí huệ trong] tứ thánh pháp giới là Chánh Giác. Nếu lại cũng có thể buông phân biệt xuống, chẳng phân biệt pháp thế gian và xuất thế gian, lại phá một phẩm vô minh, vô minh là vọng tưởng, lại phá một phần vọng tưởng, quý vị sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác

có bốn mươi một địa vị; trong kinh Hoa Nghiêm, [trí huệ của các địa vị] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác đều gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn hết bốn mươi một phẩm vô minh, tức là đoạn sạch vọng tưởng, chúng đến quả vị cuối cùng, gọi là Diệu Giác. Đẳng Giác lên cao hơn sẽ là Diệu Giác. Diệu Giác là quả vị, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Vì lẽ này, chúng ta yêu mến trí huệ của Phật, mong khôi phục diệu trí Bát Nhã sẵn có trong tự tánh của chính mình. Quý vị phải nên hiểu tâm trọng yếu của việc đoạn phiền não. Chớ nên có chấp trước! Hễ có chấp trước, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Hễ có phân biệt, sẽ không thoát mười pháp giới, phải hiểu điều này. Chấp trước chính là thức thứ bảy, tức Mạt Na. Phân biệt là thức thứ sáu. Pháp Tướng Tông nói: “*Chuyển thức thành trí*”, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Do vậy, chúng ta buông xuống chấp trước, Bình Đẳng Tánh Trí liền hiện tiền. Tôi thường nói: “Nền hòa bình trên thế giới được kiến lập trên cơ sở đối đãi bình đẳng”. Chúng ta đối với hết thảy người, sự, vật đều bất bình đẳng, thế giới sẽ chẳng có hòa bình. Hòa là quả, đối xử hòa thuận; cái nhân là đối đãi bình đẳng. Vì sao tăng đoàn hiện thời chẳng thể thực hiện Lục Hòa Kính? Nếu tăng đoàn Lục Hòa Kính xuất hiện, trên địa cầu này có một tăng đoàn Lục Hòa Kính xuất hiện, người trên cả thế giới đều được phước, thật sự là đại nạn hóa thành tiêu nạn, tiêu nạn hóa thành chẳng có nạn gì! Vì sao chẳng làm được? Chúng ta thấy người khác bất bình đẳng, chúng ta nhìn sự, nhìn vật cũng đều bất bình đẳng! Ta ưa thích cái này, ta ghét cái kia, đây là chấp trước. Vì sao Tăng đoàn thời đức Thế Tôn xưa kia có thể đối xử hòa thuận? Mỗi ngày tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, ai nấy đều y giáo phụng hành, đều buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước nữa. Không chấp trước, tánh bình đẳng hiện tiền, chúng ta nói là “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng*”, điều này hết sức trọng yếu. Do vậy, nhất định phải thực hiện từ chỗ này.

Chấp trước thì chúng ta chẳng thể ngay lập tức đoạn được. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Tập khí phiền não đã dưỡng thành từ vô lượng kiếp trước, há có thể ngay lập tức đoạn hết đơn giản như vậy ư? Do đó, trong Phật môn thường nói: “*Lý có thể đốn ngộ, Sự cần phải trừ dần dần*”. Trong Sự, cần phải rèn luyện dần dần thì mới có thể diệt trừ. Kinh chẳng thể một ngày không đọc. Một ngày không đọc kinh, nhất định là tập khí phiền não của quý vị sẽ tăng trưởng, sẽ không giảm bớt. Chỉ có đọc kinh hằng ngày, phản tỉnh hằng ngày, sửa lỗi hằng ngày, đối mới hằng ngày, như vậy thì mới hòng phiền não ngày một nhẹ bớt, trí huệ ngày một tăng trưởng. Đó là đúng! Kinh không chỉ là phải nghe, mà còn phải giảng, càng giảng càng hiểu rõ! Giảng, không có ai nghe ư? Dẫu không có ai nghe, cũng giảng. Thời cổ, “*Sanh công thuyết pháp*”, tức là hòa thượng Đạo Sanh thuyết pháp, không có ai nghe. Ngài chắt một đồng đá lớn đặt ở đó, đối trước đá giảng. Vì thế, đá gập đầu. Chuyện này đã ban cho chúng ta một sự khái thị rất lớn. Nay chúng ta giảng kinh không có ai nghe, trên tầng chín là Vạn Tánh Tổ Tiên Kỳ Niệm Đường, chúng ta có thể đối trước hơn một vạn hai ngàn bài vị của tổ tiên

để giảng, thính chúng rất đông. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, giảng kinh sẽ chẳng thể gián đoạn.

Xác thực là trong những năm qua, đã có rất nhiều tin tức đặc biệt cho tôi biết, chúng sanh trong chín pháp giới đều đang nghe kinh Hoa Nghiêm. Tin tức ấy truyền đến khiến cho chúng tôi cảm động, hoan hỷ không chi lớn bằng. Chẳng phải là không có ai nghe, mà là thính chúng quá đông! Đây là quý vị đọc mỗi ngày, giảng mỗi ngày. Chỗ có cây cối, hoa cỏ, được lắng chớ! Giảng cho cây cối, hoa cỏ nghe, dạy và học tăng trưởng lẫn nhau! Quý vị có thể làm như vậy, trong tương lai, pháp duyên nhất định là hết sức thù thắng. Đây là điều khẳng định.

Điều phương tiện thứ tư là “*bát xả sanh tử*”. Xả thân, thọ thân trong chín pháp giới, chẳng vứt bỏ. Câu này có nghĩa là gì? Giống như chư Phật, Bồ Tát, “*ngàn xứ khẩn cầu, ngàn xứ ứng*”. Hễ chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn có ứng. Chúng sanh khai thính, chúng ta phải đến giảng, chỉ cần có người [khai thính]! Thế gian trong hiện tại có rất nhiều tai nạn, phạm là đạo tràng có chánh pháp đều có thể giúp hóa giải tai nạn. Dầu chẳng thể hoàn toàn hóa giải tai nạn, tai nạn lớn sẽ đổi thành tai nạn vừa, tai nạn vừa hóa giải thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ hóa thành chẳng có tai nạn. Đây là điều khẳng định! Thời gian tai nạn dài, có thể rút ngắn thời gian, chúng ta có thể tin tưởng, chẳng hoài nghi điều này. Vì thế, hễ con người trọn đủ “*từ bi có luyến*”, chắc chắn là nơi nào có tai nạn, sẽ đến nơi ấy để hoằng pháp, đến đó giảng kinh hoằng pháp, tu hành đúng như lời dạy, ta và người đều được lợi. Không chỉ là ta lẫn người cùng được lợi, mà dương thế và âm gian đều cùng lợi lạc. Đây là “*bát xả sanh tử*”. Dầu cho dưới một tình huống nào đó, hy sinh thân mạng cũng chẳng tiếc nuối, cũng chẳng có may may lưu luyến. Vì sao? Vì chính mình tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, đã liễu giải rõ ràng, minh bạch, hết thấy chúng sanh có sanh tử hay không? Chẳng có! Sanh tử là thay đổi một cảnh giới mà thôi. Khoa học hiện thời nói đến “*các chiều không gian khác nhau*”, chúng ta nói là “*thay đổi băng tần TV*” mà thôi. Chẳng có băng tần này thì băng tần kia hiện ra, lấy đâu ra sanh tử?

Người có thể thật sự tu hành, trong phần trước đã nói là “*liễu tri chư hạnh*”, bản thân chúng ta hiểu rất rõ ràng: Sau khi chúng ta vứt bỏ cái thân này, đời sau nhất định là càng thù thắng hơn đời này! Vì sao? Trong đời này, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, đều là tiến cao hơn, chẳng đọa lạc xuống dưới. Chết rồi sẽ được nâng cao hơn viên mãn, quyết chẳng đọa trong ba ác đạo, quý vị nói xem: Thù thắng ngàn ấy, há có gì để kinh hoảng, sợ hãi? Chẳng có lẽ ấy! Hết thấy vì chúng sanh, chẳng vì chính mình. Dầu người khác hiểu lầm, chẳng liễu giải, hủy báng, vũ nhục, hãm hại quý vị, thậm chí giết chết quý vị, chúng ta chẳng có chút lòng oán hận nào, mà là cảm kích. Vì sao? Cảm kích kẻ ấy đã nâng ta lên cao hơn. Cái thân này bị giết hại, [tức là] đã được tiến lên cao hơn rồi! Người ấy đưa ta lên cao hơn, chẳng phải là kéo ta xuống, mà là đưa ta lên cao hơn. Vì thế, vĩnh viễn sống trong thế giới cảm ơn! Kẻ chẳng thể khế nhập cảnh giới ấy sẽ chẳng hiểu, người khế nhập cảnh giới sẽ hiểu rõ.

Phương tiện thứ năm là “*luân hồi bất nhiễm*” (chẳng nhiễm trước luân hồi). Tuy lục đạo luân hồi rất khổ, nhưng chúng sanh khổ sở ở trong ấy rất đông,



đúng như đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát: “*Địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật*”, “*ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục*”. Ta vào địa ngục để làm gì? Nhằm cứu độ chúng sanh trong địa ngục, vì những điều này mà vào. Ý nghĩa này nhằm nói rõ: Nơi nào chúng sanh có khổ nạn, người có tâm lòng từ bi bèn muốn đến đó, quyết định là chẳng thề bỏ mặc, không hỏi tới! Còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, chẳng muốn cùng chịu đựng tai nạn với chúng sanh khổ nạn, [tức là] chẳng có tâm từ bi! Kẻ chẳng có tâm từ bi sẽ đọa lạc, phải biết điều này. Người có tâm từ bi sẽ tiến cao hơn.

Luân hồi mà chẳng nhiễm đấm là như thế nào? Chẳng có tâm luân hồi! Bồ Tát vận dụng Bồ Đề tâm, chẳng phải là luân hồi tâm. Luân hồi tâm là gì? Ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn; đây là luân hồi tâm. Nghiệp đã tạo bởi luân hồi tâm đều là luân hồi nghiệp. Luân hồi tâm tạo ra thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, toàn là luân hồi nghiệp, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Bồ Đề tâm chẳng phải là luân hồi tâm, nghiệp đã tạo bởi Bồ Đề tâm chính là tịnh nghiệp. Trong lục đạo luân hồi, chẳng có quả báo của tịnh nghiệp, phải biết điều này! Tịnh nghiệp rõ rệt, nông cạn nhất chính là tứ thánh pháp giới; tịnh nghiệp sâu rộng là thế giới Cực Lạc. Do vậy, người ấy không thuộc trong mười pháp giới, chẳng ở trong lục đạo. Ở trong lục đạo độ chúng sanh, chỉ cần quý vị dùng Bồ Đề tâm, chúng tôi đã nói rất minh bạch: Dùng “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi*”, đây chẳng phải là luân hồi tâm, sẽ ở trong luân hồi mà quyết định chẳng nhiễm đấm luân hồi, dùng cái tâm ấy! Dùng cái tâm ấy để xử sự, đãi người tiếp vật như thế, chắc chắn là sẽ thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đó là điều khẳng định. Niệm Phật quyết định sanh về Tịnh Độ. Luân hồi bất nhiễm đây!

Điều cuối cùng trong sáu phương tiện là “*xí nhiên tinh tấn*”. Xí nhiên tinh tấn: “*Xí nhiên*” (熾然) là tử dụ, có trạng thái giống như lửa mạnh cháy hừng hực. Chúng ta thường nói là “*dũng mãnh, tinh tấn*”, quyết định chẳng biếng nhác, há có lẽ nào đạo nghiệp chẳng thành tựu? Đương nhiên là thành tựu. Trong sáu phương tiện ấy, ở đây, Thanh Lương đại sư bảo: “*Nhiếp Luận quảng thuyết*” (Nhiếp Luận rộng nói). Nếu chúng ta muốn biết thêm, hãy xem trong Nhiếp Luận. Đây là phương tiện lực.

Lại xem tiếp loại thứ tư là “*duyên lực*”.

**(Sớ) Vị thiện hữu khuyến phát.**

(疏)謂善友勸發。

(Sớ: Ý nói: Bạn lành khuyên lơn, phát khởi).

Đối với pháp thế gian và xuất thế gian, duyên hết sức trọng yếu. Vì thế, đức Phật dạy: “*Chư pháp nhân duyên sanh*” (Các pháp sanh từ nhân duyên). “*Duyên*” ở đây là nói đến bạn lành. Gặp bạn lành khuyên dạy quý vị, quý vị bèn phát tâm, mới phát nguyện. Thật đây! Phật pháp xác thực giống như hư không tồn tại trong thế gian, nhất là hiện thời, chúng ta lợi dụng phương thức khoa học kỹ thuật cao, [sử dụng] Internet và vệ tinh bao trùm toàn cầu. Bất luận ở nơi chốn

nào, bất luận thời gian nào, đều có thể bắt sóng để xem. Nhưng có khá nhiều người chẳng biết băng tần, chẳng biết tiếp sóng như thế nào, có bạn bè giới thiệu cho quý vị, quý vị liền trông thấy, duyên đã chín muồi rồi! Nếu chẳng có cái duyên ấy, quý vị phải thường xuyên đi tới, đi lui, mò mẫm tìm kiếm. Đến chỗ nào? Đến các đoàn thể tôn giáo. Chúng ta học Phật, tự viện, am đường của Phật giáo trên khắp thế giới đều có. Chỗ nào có tự viện Phật giáo, có thể đến viếng cảnh, cũng có thể gặp gỡ thiện hữu, tức là người hữu duyên! [Người ấy] giới thiệu kinh sách và phương pháp tu học cho quý vị, hoặc giới thiệu quý vị thân cận thiện tri thức. Duyên ấy hết sức trọng yếu, thiện hữu làm duyên. Chúng tôi chẳng may may hoài nghi chuyện này!

Bản thân tôi vào lúc hai mươi sáu tuổi được quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Nếu chẳng do lão nhân gia giới thiệu, suốt cả đời này, chúng tôi chẳng có duyên với Phật. Thuở trẻ, học theo những tri kiến sai lầm, cứ ngỡ Phật giáo là mê tín, coi Phật giáo là tôn giáo cấp thấp. Vì sao nói là cấp thấp? Phiếm thân giáo, đa thân giáo, thứ gì cũng lạy! Quan niệm sai lầm ấy rất sâu, rất khó dẹp trừ. Nếu kẻ bình phàm muốn đem Phật giáo giới thiệu cho tôi, tôi sẽ chẳng ngó ngang tới; lại còn ngược ngạo châm chọc kẻ ấy, gièm chê kẻ ấy mê tín! Lúc tôi tuổi trẻ, thường thức cũng rất phong phú, lại còn có chút tài ăn nói, mong biện định với tôi quả thật chẳng phải là chuyện dễ! Trong sự cảm nhận của tôi, thầy Phương là một bậc trưởng thượng tôn kính nhất. Ngài từ bi, yêu thương tôi, cùng vai vế với cha tôi. Tôi học Triết với thầy, thầy dùng kinh Phật làm tài liệu giảng dạy để giới thiệu Triết Học trong kinh Phật. Do vậy, chúng tôi mới biết trong Phật học có đại học vấn, trước nay chưa hề nghe nói tới! Trước kia, cứ tưởng Phật giáo là tôn giáo, nào biết nó là Triết Học! Do được thầy Phương giới thiệu, tôi còn thỉnh giáo lão nhân gia: “Thưa thầy! Thầy học từ nơi đâu?” Thầy phải kể ra nguyên nhân nguồn cội cho tôi nghe, tôi mới tin tưởng.

Để tiếp xúc Phật pháp, thầy chỉ dạy, nhất định là phải từ kinh điển. Trải qua sự chỉ dạy như vậy, tôi mới lợi dụng ngày nghỉ đến chùa miếu để tìm kinh Phật. Vì thuở ấy, kinh Phật được lưu thông với số lượng quá ít, những tiệm sách thông thường ngoài phố không bán. Thuở đó, tôi học Phật, tại Đài Loan chỉ có ba nhà [xuất bản] in sách Phật, số lượng đều rất ít. Thứ nhất là Khánh Phương Thư Cục ở Đài Nam in sách Phật, thứ hai là Thụy Thành Thư Cục ở Đài Trung, cũng in kinh Phật, nhưng còn in rất nhiều thứ khác, chẳng phải là chuyên in sách Phật, nên số lượng rất ít, chẳng dễ gì mua được! Thứ ba là tại Đài Bắc, lão cư sĩ Châu Kính Trụ lập một Ấn Kinh Xứ, do mấy vị cư sĩ đóng góp chút ít tiền bạc, in kinh nhằm kết duyên với mọi người. Đây là biếu tặng, chẳng phải là mua bán, số lượng cũng rất ít. Vì thế, chẳng dễ tìm thấy sách Phật. Chỉ có đến tự miếu để mượn kinh sách chép lại, tôi còn sao được mấy bộ kinh Phật.

Thiện hữu quan trọng hơn bất cứ gì khác. Sau khi thầy Phương giới thiệu, tôi bắt đầu xem kinh. Xem kinh đương nhiên gặp khó khăn, nhưng thầy Phương đã nói một câu hết sức hấp dẫn tôi: “*Kinh Phật chính là Triết Học cao nhất trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Sức hấp dẫn ấy hết sức mạnh mẽ, chính là “*dục lực*” như chúng ta đang nói ở đây. Mong

cầu, trong ấy có những điều tốt đẹp dường ấy, dẫu xem không hiểu, vẫn muốn xem! Xem một lần không hiểu thì xem hai lần. Xem hai lần không hiểu, xem ba lần, dùi mài chẳng bỏ! Duyên đúng là rất thù thắng. Sau hơn một tháng như thế, hàng xóm của chúng tôi vốn không quen biết, có một đứa con gái tám tuổi, thường đến chơi trong sân nhà tôi. Thấy tôi đang xem kinh Phật, nó trở về kể cho bố biết. Bố nó đến thăm tôi, ông ta là Phật tử, nghe nói tôi đang xem kinh Phật, ông ta rất hoan hỷ, hỏi: “Có gặp khó khăn hay không?” Tôi nói: “Có chứ!” “Có cần người chỉ dạy hay không?” “Khó có quá! Ai vậy?” “Chương Gia đại sư”. Về sau, chúng tôi biết: Ông ta (người hàng xóm ấy) là một vị thân vương ở Nội Mông, là người Mông Cổ, tức là Mãn Thân Vương dưới thời Mãn Thanh, rất thân thuộc với Chương Gia đại sư.

Vậy là tôi kết duyên với Chương Gia đại sư, hết sức hữu duyên. Tôi được Ngài chỉ dạy ba năm, căn cơ Phật học từ chỗ này mà có. Mười năm sau đấy, học giảng kinh với thầy Lý, đều là do thiện hữu khuyến khích, phát khởi! Ở chỗ thầy Lý, chúng tôi vốn đến nghe kinh, đâu dám phát tâm giảng kinh? Giảng kinh là do thầy Lý khuyến, thầy khuyến nhiều lượt, tôi đều chẳng dám. Cuối cùng, thầy có lớp dạy giảng kinh, dẫn tôi đến xem. Họ lên lớp, thầy dẫn tôi đến coi. Coi xong, hết buổi học, tôi thưa với thầy: “Được, con cảm thấy có thể tham gia”. Đây là một duyên rất quan trọng trong các duyên!

Câu kế tiếp là “*sở duyên lực*”.

**(Sớ) Tức sở quán sát bi trí chi cảnh.**

**(疏)即所觀察悲智之境。**

**(Sớ: Chính là cái cảnh được quán sát bởi bi và trí).**

Đây gọi là “*sở duyên*”, cũng có nghĩa là những cảnh giới mà quý vị gặp gỡ ngay trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Cái duyên ấy ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là trong sự tiếp xúc với người khác. Chúng ta học Phật, đương nhiên là có rất nhiều bằng hữu học Phật thường xuyên cùng nhau nghiên cứu kinh giáo, thảo luận, trao đổi sự tâm đắc trong tu hành. Ngoài những người ấy ra, còn có những bằng hữu không học Phật, cũng thường xuyên thích nói chuyện gẫu với quý vị. Trong khi chuyện gẫu, nhất định là quý vị sẽ nói tới Phật pháp. Họ hỏi, quý vị đáp. Họ hỏi han, chính quý vị hãy ngẫm xem, bản thân quý vị giải đáp cho họ, họ có thỏa ý hay là không? Những điều này sẽ giúp chúng ta tiến bộ hết sức to lớn! Đây gọi là “*giáo học tương trợ*”. Giáo học không nhất định là trong lớp học, không nhất định là học trò thật sự. Quý vị phải hiểu đạo lý này! Hằng ngày, thời thời khắc khắc, khắp nơi, khắp chốn, hề gặp người khác đều có thể dạy học, đều thuyết pháp. Do đó, giảng kinh, thuyết pháp, chẳng có ngày nào gián đoạn! Nói năng bèn là giảng kinh, giải đáp là giáo học. Đây là Trí và Bi của quý vị. Bi là gì? Thành khẩn, thật thà giúp đỡ người khác nhận biết Phật giáo, Phật giáo chẳng phải là mê tín. Đây là từ bi, đây là trí huệ. Trong Phật môn nói là “*đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn*”.

Trong phần trước, đã nói về cội nguồn của khổ nạn rất nhiều, nói chung là do mê mất tự tánh tạo thành. Trong tự tánh, có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng (nay chúng ta nói là “*tài nghệ*”), vô lượng tướng hảo (người hiện thời nói là “*phước báo*”), đều là vô lượng! Sau khi đã mê mất tự tánh, trí huệ, đức năng, tướng hảo đều chẳng thấy nữa! Kinh luận Phật giáo đã nói chuyện này rất nhiều, chúng ta phải tin tưởng, phải giúp đỡ chính mình, và cũng phải giúp đỡ tất cả hết thảy chúng sanh. Đó gọi là “*Phật độ người hữu duyên*”. Ai có duyên? Quý vị nói, giới thiệu với họ, họ có thể tin, có thể lý giải, có thể làm theo, đấy gọi là “*kẻ hữu duyên*”. Tôi theo thầy Phương học tập, về sau xuất gia, tôi đến thăm thầy, thầy sùng sờ: “Anh thật sự làm à?” Tôi thưa: “Vâng ạ! Thầy giới thiệu thứ tốt đẹp như thế, con đương nhiên phải làm”. Thầy bảo: “Đúng rồi! Anh đi theo con đường này là đúng lắm”. Tôi xuất gia, thầy tôi, bạn học, bè bạn, cấp trên, chẳng có một ai tán thành, đều nói: “Người mê muội mất rồi! Người học Phật thì được, chứ học Phật chẳng nên mê man đến nỗi này”. Chỉ có mình thầy Phương tán thán, chỉ có thầy nói tôi làm đúng, “anh đi theo con đường này là chánh xác”. Do vậy, còn may mắn là có một người trí huệ như thế, là người mà chính tôi bội phục nhất trong lòng, Ngài đã ấn chúng tôi đi theo con đường này là đúng!

Thầy còn rất thận trọng dặn dò tôi một nhiệm vụ, là gì? Hải hòa xã hội. Khi đó, chúng tôi tuổi trẻ, chẳng có sức quan sát nhạy bén như thầy. Thầy bảo tôi: “Chúng ta ở Đài Loan, người trong tỉnh này và người ngoài tỉnh (người đến từ Trung Hoa Đại Lục) cư xử với nhau hoàn toàn chẳng thuận thảo cho lắm”. Do vậy, thầy dặn tôi: “Do thân phận này, anh làm chuyện điều hòa, hóa giải rất thuận tiện”. Đối với những điều thầy dặn dò tôi khi ấy, nay tôi mở rộng giáo huấn của thầy. Trên thế giới có khá nhiều xung đột, trong giới học thuật, hoặc trong xã hội thường nói: “*Trừ khử xung đột, xúc tiến hòa bình*”. Tôi tham gia đại học, trong đại học có học viện hòa bình, giúp đỡ nhà trường, đại diện nhà trường tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, tôi dùng từ ngữ “*hóa giải xung đột, xúc tiến an định hòa bình*”. Chúng tôi vĩnh viễn chẳng quên giáo huấn của thầy, thầy từ bi quá!

“An định, hòa bình” là niềm mong mỏi chung của toàn thể nhân loại. Có ai chẳng mong mỏi an định? Có ai chẳng trông mong hòa bình? Thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ chính bản thân chúng ta! Đầu tiên là hóa giải sự đối lập với hết thảy mọi người, đối lập với hết thảy sự ngay trong nội tâm của chính mình, khiến cho chúng ta trước hết là tâm bình khí hòa thì mới có thể hòa hợp với đại chúng, hải hòa với muôn vàn quốc gia. Đấy chính là “*quan sát bi trí chi cảnh*”. Có phải là viên mãn hay không? Chẳng viên mãn! Viên mãn là phải nói đến hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Thế giới Sa Bà có mười pháp giới, hết thảy các cõi Phật đều có mười pháp giới. Chúng sanh trong mười pháp giới của thế giới Sa Bà chẳng hòa thuận, các pháp giới trong các cõi Phật khác cũng chẳng khác biệt cho mấy. Vì thế, công tác hòa thuận phải là trọn khắp pháp giới hư không giới thì mới là viên mãn. Đầu làm từ nội tâm của chính mình; hể lìa khỏi nội tâm của chính mình, xác thực là chẳng có một pháp nào để có thể đạt được cả! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

**Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh**  
**Phẩm thứ mười một,**  
**Tịnh Hạnh Phẩm**  
**Phần 8 hết**